

BÁO CÁO
Thường niên năm 2022**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC****A. THÔNG TIN CHUNG VỀ NAVICO****1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nam Việt.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh An Giang cấp ngày 02/10/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 07 năm 2020.
- Vốn điều lệ: **1.275.396.250.000** đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.275.396.250.000 đồng.
- Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, An Giang.
- Số điện thoại: (0296) 3834 065 - (0296) 3834 060.
- Số fax: (0296) 3834 054 - (0296) 3932 486.
- Website: www.navicorp.com.vn
- Mã cổ phiếu: ANV

2. Quá trình hình thành và phát triển

Từ những ngày đầu thành lập, Navico đã không ngừng đầu tư vào chuỗi giá trị khép kín để có được thành quả như ngày hôm nay với hệ thống từ ươm giống, sản xuất thức ăn, vùng nuôi cá tra thành phẩm, nhà máy chế biến đông lạnh, nhà máy bao bì, nhà máy phụ phẩm dầu cá, bột cá. Đầu tư góp vốn thành lập nhà máy sản xuất collagen và gelatin, đầu tư thành lập nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, đầu tư sản xuất điện năng lượng mặt trời.

Những sự kiện quan trọng:

Năm 1993	Công ty Cổ phần Nam Việt có tiền thân là Công ty TNHH Nam Việt được thành lập vào năm 1993 hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp.
Năm 2000	Công ty có bước chuyển biến quan trọng đầu tư sang lĩnh vực chế biến thủy sản.
Năm 2006	Chuyển hình thức sang Công ty Cổ phần với số vốn điều lệ là 660 tỷ đồng.
Tháng 12 năm 2007	Cổ phiếu Nam Việt chính thức được niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là ANV
Năm 2011	Công ty bắt đầu xây dựng vùng nuôi cá nguyên liệu.

Năm 2012	Công ty xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và đi vào hoạt động với 4 dây chuyền sản xuất, tổng công suất 400 tấn/ngày.
Năm 2016	Công ty đã có 8 dây chuyền sản xuất thức ăn với tổng công suất lên đến 800 tấn/ngày đáp ứng 100% nhu cầu thức ăn cho 250 ha vùng nuôi cá nguyên liệu của công ty, phần còn lại bán ra thị trường.
Năm 2017	Công ty tăng vốn điều lệ từ 660.000.000.000 đồng lên 1.250.446.250.000 đồng.
Năm 2018	Đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú diện tích 600ha
Năm 2019	Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.250.446.250.000 đồng lên 1.275.396.250.000 đồng.
Tháng 03 năm 2020	Góp vốn thành lập Công ty TNHH Amicogen Nam Việt, Vốn điều lệ 46 tỷ 480 triệu đồng; % góp vốn là 50%; Ngành nghề: sản xuất collagen và gelatin. Công suất 780 tấn / năm.
Tháng 05 năm 2020	Thành lập Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar, Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar, Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar; Tổng vốn điều lệ 64 tỷ đồng; % góp vốn là 100%; Ngành nghề: sản xuất điện năng lượng mặt trời. Thi công và bán điện trong năm 2020 là 46 cụm năng lượng mặt trời áp mái với công suất 53 MW.
Tháng 07 năm 2020	Thành lập công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt, Vốn điều lệ 5 tỷ đồng; % góp vốn là 100%; Ngành nghề: sản xuất phân bón hữu cơ, Công suất 70.000 tấn / năm.
Tháng 12 năm 2021	Khởi công nhà máy Amicogen, tổng mức đầu tư 46 tỷ 480 triệu đồng, sản xuất collagen và gelatin với công suất 780 tấn/năm
Tháng 03 năm 2022	Thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản Nam Việt
Tháng 05 năm 2022	Thành lập công ty TNHH MTV Chế biến thức ăn Thủy sản Nam Việt, vốn điều lệ 200 tỷ đồng
Tháng 07 năm 2022	Xuất khẩu vào thị trường Mỹ, đánh dấu sự trở lại của Navico ở thị trường này
Tháng 11 năm 2022	Hoàn thành xây dựng nhà máy Amicogen, đưa vào chạy thử nghiệm

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất chế biến thức ăn thủy sản;
- Sản xuất bao bì;
- Chế biến bảo quản thủy sản & các sản phẩm từ thủy sản;

- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Sản xuất phân bón hữu cơ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Sản xuất collagen và gelatin;
- Sản xuất phân bón hữu cơ.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

3.2. Địa bàn kinh doanh: Navico là doanh nghiệp xuất khẩu cá tra hàng đầu thế giới đến hơn 100 Quốc gia trên khắp thế giới.

- **Châu Á:** Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Đài Loan, Singapore, Ấn Độ...
- **Châu Âu:** Anh, Pháp, Bỉ, Italya, Hà Lan, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Hy Lạp, Rumania, Nga, Ukraine....
- **Châu Mỹ:** Mỹ, Mexico, Brazil, Colombia, Chile, Argentina, Costa Rica, Canada,...
- **Trung Đông:** Ả Rập Saudi, Kuwait, UAE...
- **Châu Phi:** Ai Cập, Morocco, Ethiopia, Reunion ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị; Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng giám đốc.

- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Sản xuất phân bón hữu cơ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Sản xuất collagen và gelatin;
- Sản xuất phân bón hữu cơ.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

3.2. Địa bàn kinh doanh: Navico là doanh nghiệp xuất khẩu cá tra hàng đầu thế giới đến hơn 100 Quốc gia trên khắp thế giới.

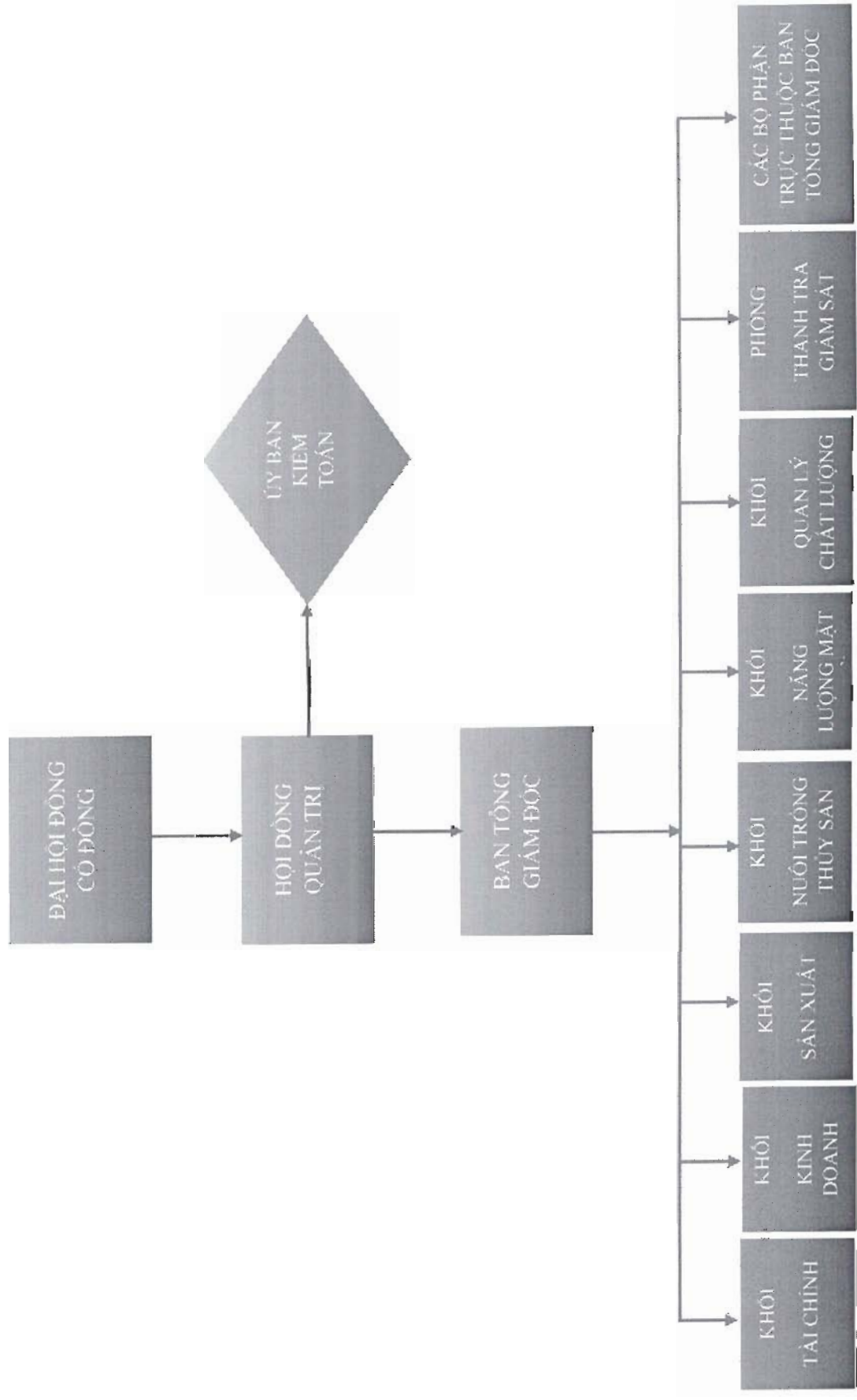
- **Châu Á:** Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Đài Loan, Singapore, Ấn Độ...
- **Châu Âu:** Anh, Pháp, Bỉ, Italya, Hà Lan, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Hy Lạp, Rumania, Nga, Ukraine....
- **Châu Mỹ:** Mỹ, Mexico, Brazil, Colombia, Chile, Argentina, Costa Rica, Canada,...
- **Trung Đông:** Ả Rập Saudi, Kuwait, UAE...
- **Châu Phi:** Ai Cập, Morocco, Ethiopia, Reunion ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị; Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



5. Các công ty con, công ty liên kết

5.1. Các công ty con

i. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	
Địa chỉ	: KCN Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại	: 02923 649 262
Vốn điều lệ	: 36.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	: 36.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 100%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chế biến dầu cá, bột cá.
ii. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú	
Địa chỉ	: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	: 02963 932 486
Vốn điều lệ	: 540.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP đã góp	: 540.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 100%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Nuôi trồng thủy sản
iii. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt	
Địa chỉ	: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	: 02963 932 486
Vốn điều lệ	: 5.000.000.000 VND

Vốn NAVICORP đã góp	:	5.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	:	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Sản xuất phân bón hữu cơ

iv. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar

Địa chỉ	:	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	:	0296 3932486
Vốn điều lệ	:	180.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP đã góp	:	180.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	:	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Sản xuất điện năng lượng mặt trời.

v. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar

Địa chỉ	:	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	:	0296 3932486
Vốn điều lệ	:	5.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP đã góp	:	5.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	:	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Sản xuất điện năng lượng mặt trời.

vi. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar

Địa chỉ	: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	: 0296 3932486
Vốn điều lệ	: 5.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP đã góp	: 5.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 100%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất điện năng lượng mặt trời.

vii. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Bất động sản Nam Việt

Địa chỉ	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	0296 3932486
Vốn điều lệ	9.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP đã góp	9.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

viii. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Chế biến thức ăn Thủy sản Nam Việt

Địa chỉ	Lô A4 KCN Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại	02923.649.262
Vốn điều lệ	200.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP đã góp	196.286.775.677 VND

Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP : 100%

Ngành nghề kinh doanh chính : Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản

Các công ty liên doanh

i. Tên Công ty	: Công ty TNHH Amicogen Nam Việt
Địa chỉ	: Lô 4A, KCN Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại	: 0296 649 769
Vốn điều lệ	: 138.480.000.000 VND
Vốn NAVICORP đã góp	: 69.240.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 50%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất collagen và gelatin

6. Định hướng phát triển:

❖ **Các mục tiêu chủ yếu:** Đưa công ty trở về vị trí dẫn đầu của ngành bằng việc tận dụng các lợi thế sẵn có từ chuỗi giá trị khép kín từ chế biến thức ăn thủy sản, nuôi trồng đến chế biến xuất khẩu; đồng thời phát triển đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa thị trường; duy trì phát triển bền vững.

❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Tiếp tục phát triển chuyên sâu, áp dụng công nghệ cao và hoàn thành chuỗi giá trị khép kín từ con giống, sản xuất thức ăn thủy sản, nuôi trồng thủy sản đến chế biến xuất khẩu.
- Đầu tư sản xuất các sản phẩm từ nguồn nguyên liệu thu được từ chuỗi sản xuất từ nuôi trồng đến chế biến xuất khẩu như: sản xuất sản phẩm Collagen, Gelatin, Surimi
- Đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ cá tra và quan tâm phát triển thị trường nội địa.
- Ứng dụng các thành tựu công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất và quản lý để nâng cao năng suất và hiệu quả ở từng lĩnh vực, từng bộ phận phòng ban.

Qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, vượt qua mọi khó khăn thử thách để hoàn thành sứ mệnh, mục tiêu chiến lược.

❖ **Các mục tiêu phát triển bền vững:**

- **Thị trường tiêu thụ:** Đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ cá tra và quan tâm phát triển thị trường nội địa
- **Chất lượng sản phẩm:** đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tiêu chuẩn đầu ra của từng thị trường. Đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất đến tay người tiêu dùng
- **Đối với môi trường:** không ngừng cải tiến hệ thống quản lý môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, thực hiện tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng, chung tay bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- **Đối với xã hội:** thực hiện minh bạch giờ công, tiền lương, các chế độ phúc lợi xã hội. Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động, bảo vệ và nâng cao sức khỏe và tạo môi trường làm việc lành mạnh cho người lao động.

7. Các rủi ro:

❖ **Rủi ro đặc thù ngành:**

- **Rủi ro về dịch bệnh, ô nhiễm môi trường:** Những năm gần đây tình hình biến đổi khí hậu diễn biến khá tiêu cực, nước biển dâng đã làm nước mặn tiến sâu vào nội đồng, tuy các vùng nuôi của Nam Việt không bị xâm nhập mặn nhưng hạn hán mức độ cao cũng ảnh hưởng đến vùng sản xuất giống và nuôi cá tra thương phẩm. Nam Việt chủ động xây dựng các kênh/ao chứa để bơm vào ao nuôi chứ không bơm trực tiếp từ nguồn nước tự nhiên nên chủ động ứng phó hạn hán và nước ô nhiễm.

- **Rủi ro tăng giá nguyên vật liệu:** Thị trường thiếu con giống sẽ làm giá cá được đẩy lên mức cao. Ngoài việc giá con giống cao, việc đổ xô nhau nuôi cá tra sẽ khiến cho giá thức ăn, thuốc thủy sản có thể tăng theo, từ đó khiến cho giá thành các yếu tố nguyên liệu đầu vào tăng. Việc tự chủ nguồn nguyên liệu bằng việc đầu tư vào các vùng nuôi giúp Navico kiểm soát tốt được chi phí nguyên vật liệu cũng như chất lượng đầu vào của sản phẩm.

- **Rủi ro thị trường xuất khẩu:** Việc xuất khẩu sang các thị trường chính như EU, Trung Quốc, Nam Mỹ... vẫn còn nhiều rủi ro do rào cản thương mại chặt chẽ từ các nước nhập khẩu, sự cạnh tranh của các sản phẩm cùng loại, sự thay đổi hành vi người tiêu dùng, xung đột địa chính trị ...

Navico từ đầu đã định hướng rõ trong việc đa dạng thị trường xuất khẩu, phát triển thị trường nội địa, tránh việc tập trung quá nhiều vào bất cứ một thị trường nào giúp phần nào giảm được rủi ro.

- **Rủi ro việc làm:** Sự thay đổi của thị trường, khách hàng, sản phẩm hay các vấn đề như thời tiết, chính sách sẽ khiến nhu cầu lao động của công ty thay đổi. Khối lượng công việc tăng lên sẽ gây thiếu hụt lao động, ảnh hưởng đến sản xuất, chất lượng sản phẩm. Hoặc khi thị trường gặp khó khăn, quy mô sản xuất

bị thu hẹp khiến dư thừa lao động, Navico đã và đang nỗ lực đẩy mạnh sản xuất kinh doanh để tạo ra ngày càng nhiều việc làm, thu nhập; Xây dựng chính sách nhân sự và bố trí lao động phù hợp để có thể ứng phó với các biến động về nhu cầu lao động. Xây dựng chính sách chăm lo cho người lao động thỏa đáng để giữ chân lao động giỏi, có được sự cống hiến và nỗ lực cao nhất từ người lao động.

❖ **Rủi ro tài chính:**

- **Rủi ro lãi suất:** Với Navico, chi phí lãi vay bình quân năm qua chiếm 2.15% doanh thu thuần. Nguồn vốn lưu động phần lớn đến từ các khoản vay ngắn hạn ngân hàng. Vì vậy khi lãi suất có biến động đều ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của công ty.

- **Rủi ro tỷ giá hối đoái:** Với việc xuất khẩu là hướng kinh doanh chính của Công ty và lượng ngoại tệ thu về chủ yếu là USD, thì việc biến động tỷ giá hối đoái tăng hoặc giảm đều có tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận công ty.

❖ **Rủi ro môi trường:**

- Nuôi và xuất khẩu cá tra ở địa bàn Đồng Bằng Sông Cửu Long đã và đang mang lại hiệu quả kinh tế cao và hứa hẹn tiềm năng phát triển lớn. Tuy vậy, những năm gần đây, tỷ lệ hao hụt khi nuôi cá tra ngày càng cao, thậm chí có ao nuôi cá hao hụt hơn 50%, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế cho người nuôi. Nếu tiếp tục bỏ quên vấn đề bảo vệ môi trường thì tình trạng suy thoái môi trường do nuôi cá sẽ tác động mạnh đến nghề nuôi và là cản trở lớn nhất cho việc phát triển con cá tra trong thời gian tới.

❖ **Rủi ro khác:**

- Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như tình hình tăng giá vận chuyển, bảo quản hàng hóa, lưu kho... là những rủi ro có nguy cơ xảy ra thấp nhưng có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022 là một năm đầy sóng gió đối với ngành thủy sản nói chung và các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu cá tra nói riêng khi trực tiếp bị ảnh hưởng bởi cuộc chiến tranh Nga – Ukraine, các chính sách phòng chống Covid-19 nghiêm ngặt của Trung Quốc, lạm phát tăng cao, chính sách tiền tệ thắt chặt được áp dụng ở hầu hết các quốc gia.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, có nhiều yếu tố không thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời, linh động của Ban Tổng Giám đốc và sự đoàn kết, hăng say lao động của hơn 6000 cán bộ nhân viên, công ty đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, kết quả kinh doanh gần đạt kế hoạch đề ra.

Doanh thu năm 2022 đạt 4.897 tỷ đồng tăng 1.4 lần so với năm 2021, lợi nhuận trước thuế đạt 774 tỷ đồng tăng gấp 5.1 lần năm 2021. Đây có thể xem là một năm thành công lớn đối với công ty trong bối cảnh kinh tế thế giới khó khăn và có dấu hiệu suy thoái, nhiều doanh nghiệp phải cắt giảm lao động thậm chí ngưng hoạt động.

1.1. Môi trường kinh doanh 2022

Thuận lợi:

- Navico vẫn duy trì chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất thức ăn, nuôi trồng thủy sản và chế biến thủy sản, từ đó chủ động được nguồn nguyên liệu cá cho sản xuất tiêu thụ. Không những chủ động được số lượng mà cả chất lượng nguyên liệu cá đầu vào đảm bảo yêu cầu chất lượng ngày càng khắt khe của thị trường tiêu thụ.
- Công ty có sẵn các nhà máy có công suất 1.000 tấn nguyên liệu / ngày nên đáp ứng đủ khi nhu cầu tăng cao
- Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam có điều kiện sinh thái thuận lợi cho việc nuôi cá tra quy mô lớn, hơn nữa trong nhiều thập niên qua An Giang không bị ảnh hưởng của xâm nhập mặn, biến đổi khí hậu.
- Công suất nhà máy chế biến thức ăn có khả năng đáp ứng 100% nhu cầu của toàn bộ vùng nuôi.
- Navico là một thương hiệu hàng đầu về các sản phẩm cá tra và là thương hiệu uy tín đối với khách hàng trên thế giới; Công ty có thị trường xuất khẩu tương đối đa dạng và ổn định qua nhiều năm.
- Navico có đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm, đoàn kết, tràn đầy năng lượng, luôn khát khao đổi mới sáng tạo và trung thành tuyệt đối với công ty.
- Thuế nhập khẩu theo Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA)

sẽ được giảm từ mức hiện tại 5,5% xuống 0% trong 3 năm đối với cá fillet đông lạnh.

Khó khăn:

- Năm 2022 được kỳ vọng là một năm bức phá trong xuất khẩu thủy sản của cả nước, do tồn kho ở các nước đã giảm, các nước mở cửa trở lại sau thời gian dài cách ly, giãn cách ..để kiểm soát dịch Covid-19. Thực tế 6 tháng đầu năm 2022 đã cho một bức tranh rất tươi sáng về tình hình xuất khẩu cá tra; 6 tháng đầu năm xuất khẩu cá tra của cả nước đạt trên 1,4 tỷ USD, tăng 83% so với cùng kỳ năm 2021 và chiếm 1/4 doanh số xuất khẩu thủy sản.

Tuy nhiên, 6 tháng cuối năm 2022 lại là một bức tranh tương phản, với nhiều khó khăn và thách thức;

- Cuộc chiến Nga – Ukraine nổ ra vào đầu tháng 02/2022, ngay sau đó các nước phương Tây đã áp dụng các biện pháp trừng phạt ngành năng lượng, lĩnh vực xuất khẩu chính của Nga, khiến giá dầu khí nhanh chóng leo thang. Lạm phát tăng cao ở Mỹ, Anh và các quốc gia khác, các nước tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát. Người tiêu dùng ở các nước thắt chặt chi tiêu, dẫn đến thị trường xuất khẩu giảm sút.
- Trung Quốc vẫn áp dụng các biện pháp phòng chống dịch cứng rắn, giãn cách, hạn chế đi lại đến cuối năm 2022, đồng thời áp dụng các biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt đối với hàng nhập khẩu. Việc này làm giảm sút doanh số xuất khẩu sang thị trường này.
- Việc cục dữ trữ liên bang Mỹ Fed liên tục điều chỉnh tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát dẫn đến đồng USD tăng giá so với các đồng nội tệ, điều này dẫn đến khó khăn cho khách hàng trong việc nhập khẩu.
- Giá nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất thức ăn cá tra tăng cao, góp phần đẩy giá thành nguyên liệu cá tăng.
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam, để chống lạm phát, cũng áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất, siết chặt room tín dụng dẫn đến doanh nghiệp khó tiếp cận khoản vay để phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Một số thị trường tiếp tục dựng lên các hàng rào phi thuế quan để hạn chế và thắt chặt kiểm soát hàng hóa nhập khẩu

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

❖ Tình hình thực hiện chỉ tiêu so kế hoạch đã đề ra:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2022	TH2022	TH2022/ KH2022
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.200	4.897	94,2%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.000	774	77,4%

❖ Kết quả hoạt động SXKD năm 2022:

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)	Tỷ lệ năm 2022 so với năm 2021
1	Doanh thu thuần	3.493.926	4.896.647	140,15%
2	Giá vốn hàng bán	2.940.613	3.561.105	121,10%
3	Lợi nhuận gộp	553.313	1.335.542	241,37%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	41.027	79.672	194,19%
5	Chi phí hoạt động tài chính	115.346	188.158	163,12%
6	Chi phí bán hàng	280.957	378.198	134,61%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	56.474	94.216	166,83%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	141.672	754.587	532,63%
9	Lợi nhuận khác - Tổng	9.769	19.129	195,81%
10	Lợi nhuận trước thuế	151.441	773.716	510,90%
11	Lợi nhuận sau thuế	128.739	673.745	523,34%

2. Tổ chức và nhân sự

a- Danh sách HĐQT và Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Quá trình công tác
1	Ông Doãn Tới	Tổng giám đốc - phó Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm sinh: 1954. ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật. ▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 10 năm 2006: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam

TT	Họ và tên	Chức vụ	Quá trình công tác
			Việt. - Từ năm 2001 đến tháng 09 năm 2006: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nam Việt. - Từ năm 1971 đến năm 2001: Sĩ quan quân đội (cấp bậc Thượng tá) đến 2001 nghỉ hưu. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 71.805.000 cổ phần – 56,3% vốn điều lệ.
2	Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT- Phó Tổng Giám đốc	▪ Năm sinh: 1975. ▪ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh. ▪ Quá trình công tác: - Từ tháng 01/2011: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Nam Việt. - Từ năm 2004 đến tháng 09 năm 2010: Giám đốc sản xuất Công ty CP Nam Việt. - Từ năm 2000 đến năm 2004: Phó Giám đốc Nhà máy đông lạnh Thủy sản Nam Việt. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 19.000 cổ phần – 0,15% vốn điều lệ.
3	Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên HĐQT-Phó Tổng giám đốc	▪ Năm sinh: 1965. ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế. ▪ Quá trình công tác: - Từ năm 2008 đến 2010: Phó Giám Đốc Tài chính, Công ty CP Nam Việt. - Từ 2010 đến tháng 06/2017: Giám Đốc Tài Chính, Công ty CP Nam Việt. - Từ 01/7/2020: Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Quá trình công tác
4	Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên độc lập HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm sinh: 1979 ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - Từ 02/2004 kế toán CTCP Nam Việt. - Từ 2010 đến nay: kế toán DNTN Thanh Thiên. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ.
5	Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm sinh: 1977. ▪ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Cử nhân Anh văn ▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/06/2000: Bắt đầu công tác tại Tập đoàn Nam Việt ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ.
6	Ông Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm sinh: 1976. ▪ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. ▪ Quá trình công tác: 19 năm tại CTCP Nam Việt. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ.
7	Nguyễn Văn Dương	Giám đốc Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm sinh: 1981. ▪ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh ▪ Quá trình công tác: Bắt đầu từ ngày 13/05/2004 công tác tại Tập Đoàn Nam Việt. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0 % vốn điều lệ.
8	Nguyễn Hà Thu Diễm	Kế toán trưởng	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm sinh: 1989. ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ▪ Quá trình công tác: Bắt đầu từ ngày 13/07/2011 công tác tại Tập Đoàn Nam Việt.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Quá trình công tác
			Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0 % vốn điều lệ

b- Những thay đổi trong Thành viên HĐQT và Ban điều hành

TT	Thành viên	Chức vụ	Lý do thay đổi
1	Nguyễn Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 09/03/2022 để kiện toàn bộ máy lãnh đạo
2	Doãn Hải Phượng	Thành viên độc lập HĐQT	Miễn nhiệm ngày 11/06/2022, do yêu cầu cá nhân
3	Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 11/06/2022, nhằm hoàn thiện cơ cấu quản trị
4	Nguyễn Văn Dương	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 21/03/2022, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý
5	Nguyễn Hà Thu Diễm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 21/03/2022, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý
6	Huỳnh Thị Kim Thoa	Giám đốc Tài chính, kiêm kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 21/03/2022

c- Số lượng cán bộ nhân viên

**Tính đến 31/12/2022, tổng số lao động của Tập đoàn là 6.046 người,
với cơ cấu như sau:**

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	6.046	100
1	Đại học và Trên Đại học	321	5,31
2	Cao đẳng, Trung cấp nghề	350	5,79
3	Sơ cấp, Công nhân Kỹ thuật	32	0,53
4	Lao động phổ thông	5.343	88,37
II	Theo đối tượng lao động	6.046	100
1	Lao động toàn thời gian	6.046	100

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
2	Lao động bán thời gian		
III	Theo giới tính	6.046	100
1	Nam	3.297	54,53
2	Nữ	2.749	45,47

d- Một số chính sách đối với người lao động năm 2022

- Công ty áp dụng chính sách tiền lương và khen thưởng cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định pháp luật và quy chế lương thưởng của công ty dựa trên các cơ sở về hiệu quả công việc của từng người, theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của công ty.

- Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ và các hoạt động tinh thần khác do Công đoàn, Các tổ chức đoàn thể ở địa phương tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày thành lập Công ty, năm mới...

- Các chế độ phúc lợi khác:

- ✓ Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13
- ✓ Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế
- ✓ Tổ chức du lịch để nâng cao tinh đoàn kết, gắn bó với công ty
- ✓ Thưởng cho con CBNV có thành tích học tập tốt

3. Tình hình đầu tư

❖ Các Dự án phát sinh trong năm

- Tiếp tục hoàn thiện xây dựng nhà máy Amicogen Nam Việt, sản xuất Collagen và Genlatin, công suất 780 tấn/năm. Nhà máy đã hoàn thành nghiệm thu đi vào sản xuất từ đầu năm 2023.

❖ Các khoản đầu tư dài hạn

Tính đến 31/12/2021 còn khoản đầu tư ở Cromit Cổ Định Thanh Hóa

Tên công ty đầu tư	31/12/2021	31/12/2022
Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	20.304.000.000

❖ Các công ty con, công ty liên kết:

CÔNG TY TNHH MTV AN ĐỘ DƯƠNG

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu	Tr đồng	967.226	1.499.263
LNTT	Tr đồng	25.818	105.510
Tài sản	Tr đồng	257.158	196.852
Vốn điều lệ	Tr đồng	36.000	36.000

CÔNG TY TNHH MTV NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NAM VIỆT BÌNH PHÚ

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu	Tr đồng	1.062.285	1.232.320
LNTT	Tr đồng	(8.579)	165.493
Tài sản	Tr đồng	1.294.983	1.325.372
Vốn điều lệ	Tr đồng	540.000	540.000

CÔNG TY TNHH MTV PHÂN BÓN HỮU CƠ NAM VIỆT

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu	Tr đồng	-	-
LNTT	Tr đồng	(14)	(40)
Tài sản	Tr đồng	5.023	5.022
Vốn điều lệ	Tr đồng	5.000	5.000

CÔNG TY TNHH MTV NAM VIỆT SOLAR

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu	Tr đồng	102.507	96.426
LNTT	Tr đồng	47.103	43.060
Tài sản	Tr đồng	423.942	364.393
Vốn điều lệ	Tr đồng	54.000	180.000

CÔNG TY TNHH MTV AN ĐỘ DƯƠNG SOLAR

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu	Tr đồng	11.445	11.158
LNTT	Tr đồng	6.465	6.371
Tài sản	Tr đồng	40.717	38.508
Vốn điều lệ	Tr đồng	5.000	5.000

CÔNG TY TNHH MTV ĐẠI TÂY DƯƠNG SOLAR

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu	Tr đồng	11.873	11.799
LNTT	Tr đồng	7.286	7.406
Tài sản	Tr đồng	39.683	36.874
Vốn điều lệ	Tr đồng	5.000	5.000

CÔNG TY TNHH MTV CBTATS NAM VIỆT

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu	Tr đồng	-	1.617.124
LNTT	Tr đồng	-	81.206
Tài sản	Tr đồng	-	636.290
Vốn điều lệ	Tr đồng	-	196.287

CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN NAM VIỆT

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu	Tr đồng	-	-
LNTT	Tr đồng	-	(62)
Tài sản	Tr đồng	-	8.978
Vốn điều lệ	Tr đồng	-	9.000

CÔNG TY TNHH AMICOGEN NAM VIỆT (công ty liên doanh)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu	Tr đồng	-	
LNTT	Tr đồng	217	(109)
Tài sản	Tr đồng	47.195	152.017
Vốn điều lệ	Tr đồng	46.480	138.480

Công ty thành lập ngày 30/03/2020

4. Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021 (tr. Đồng)	Năm 2022 (tr. Đồng)	% tăng giảm trong năm 2022
1	Tổng giá trị tài sản	4.887.180	5.467.653	11,88%
2	Doanh thu thuần	3.493.926	4.896.647	40,15%

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021 (tr. Đồng)	Năm 2022 (tr. Đồng)	% tăng giảm trong năm 2022
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	141.672	754.587	432,63%
4	Lợi nhuận khác	9.769	19.129	95,81%
5	Lợi nhuận trước thuế	151.441	773.716	410,90%
6	Lợi nhuận sau thuế	128.739	673.745	423,34%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,25	1,35
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,49	0,38
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	52,2	47,3
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	%	109,3	89,7
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	vòng	1,6	1,73
+ Vòng quay tổng tài Sản:	vòng	0,72	0,95
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,7	13,76
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	5,5	23,38
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,6	12,32
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	4,1	15,41

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Cổ phần

- Số lượng cổ phần: 127.539.625 cổ phần
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

- Số cổ phiếu ưu đãi: không có
- Số cổ phiếu phổ thông: 127.539.625 cổ phần
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 127.127.875 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 127.127.875 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu (Chốt ngày 01/11/2022)

STT	TỶ LỆ SỞ HỮU	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN
1	Trên 5% sở hữu	88.965.000
2	Dưới 5% sở hữu	38.162.875

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Cổ đông trong nước	122.852.703	96,64%
Cá nhân	121.531.430	95,60%
Tổ chức	1.321.273	1,04%
Cổ đông nước ngoài	4.275.172	3,36%
Cá nhân	237.297	0,19%
Tổ chức	4.037.875	3,18%
Tổng cộng	127.127.875 (Chưa tính cổ phiếu quỹ 411,750)	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2022, Công ty không phát hành thêm cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Tính đến 31/12/2022, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 411.750 cổ phiếu (tương đương 9,284 tỷ đồng). Trong năm 2022, Công ty không mua cổ phiếu quỹ.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

a- Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2022: Giấy đóng thùng 4.681.717 kg và hạt nhựa 743.884 kg.

- Tỷ lệ % nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất và đóng

gói các sản phẩm chính của tổ chức trong năm: 4,44% (33.034 kg/743.884 kg)

b- Báo cáo tiêu thụ năng lượng

- Trong năm 2022, Công ty luôn thực hiện các chính sách tiết kiệm nguồn năng lượng như điện, xăng, dầu với mục đích vừa tiết kiệm chi phí cho công ty và cả tiết kiệm tài nguyên cho quốc gia, bảo vệ môi trường. Với biện pháp tiết kiệm năng lượng của công ty như:

- Sử dụng một số thiết bị tiết kiệm năng lượng tại văn phòng, xí nghiệp.
- Sử dụng bóng đèn LED
- Quán triệt, xây dựng cho nhân viên, cán bộ, người lao động thói quen tiết kiệm điện.
- Hạn chế sử dụng điện giờ cao điểm

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Số lượng
1	Điện (Kwh)	129.584.294
2	Gas (kg)	35.985

c- Báo cáo tiêu thụ nước

- Với đặc thù hoạt động của công ty, lượng nước công ty sử dụng cho các hoạt động như nuôi trồng cá tra; sử dụng trong hoạt động chế biến các sản phẩm chính của công ty; sử dụng trong hoạt động chế biến thức ăn cho cá và sử dụng nước cho sinh hoạt.

- Song song với chính sách tiết kiệm năng lượng, Công ty cũng có các hoạt động, chính sách tiết kiệm nguồn nước sử dụng. Nguồn cung cấp nước chủ yếu của công ty là từ nguồn nước giếng. Lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của Công ty trung bình là 1200 m³/ngày. Trước khi thải ra môi trường đều thông qua hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn.

d- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Trong năm công ty không vi phạm luật và các quy định về môi trường.

e- Chính sách liên quan đến người lao động:

- Hiện nay, Công ty có tổng cộng 6.046 người lao động với thu nhập bình quân đạt 7.218.758 đồng/người/tháng.
- Ngoài những chính sách đãi ngộ, Navico đặc biệt quan tâm đến hoạt động đào tạo huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Trong năm qua, Công ty đã nghiêm túc thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết về một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. Cụ thể:

Đối tượng tham gia đào tạo	Số giờ đào tạo
Nhóm 1: Người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 16 giờ
Nhóm 2: Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 48 giờ
Nhóm 3: Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 24 giờ
Nhóm 4: Người lao động không thuộc các nhóm 1, 2, 3 và 5, bao gồm cả người học nghề, tập nghề, thử việc để làm việc cho người sử dụng lao động.	Ít nhất 24 giờ
Nhóm 5: Người làm công tác y tế.	Ít nhất 56 giờ
Nhóm 6: An toàn, vệ sinh viên	Ít nhất 4 giờ

f- Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Navico hằng năm luôn có các hoạt động để đóng góp cho cộng đồng xã hội. Ngoài các hoạt động đóng góp sức lực trực tiếp cho việc giữ gìn cộng đồng xã hội, Công ty còn hỗ trợ tài chính cho cộng đồng địa phương.
- Những năm qua, Công ty đã có những đóng góp tài chính về:
 - Công ty đóng góp quỹ Mùa Xuân.
 - Công ty đóng góp quỹ Công tác xã hội từ thiện.
 - Đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa.
 - Đóng góp Quỹ học bổng (do gia đình Tổng Giám đốc tài trợ).
 - Công ty khen thưởng cho con của CB-CNV lao động có thành tích trong học tập.

C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2021 cả thế giới đối mặt với đại dịch Covid-19 với rất nhiều khó khăn, thì năm 2022 là một loạt các thách thức hoàn toàn mới, khơi mào là cuộc chiến tranh Nga – Ukraine, các nước liên quan đã thực hiện các biện pháp trả đũa, trừng phạt lẫn nhau. Làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, đẩy giá dầu và lương thực tăng cao.

Cùng với sự ảnh hưởng của chiến tranh và chương trình kích thích kinh tế trong giai đoạn đại dịch Covid-19 trước đó, đã đẩy các quốc gia Châu Âu, Mỹ rơi vào lạm phát. Chính sách tiền tệ thắt chặt của Mỹ không chỉ ảnh hưởng lên nước này mà trên cả phạm vi toàn cầu, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế thế giới. Giao thương buôn bán của các quốc gia giảm sút, thị trường xuất khẩu đối với cá tra gặp nhiều khó khăn.

Với quyết tâm tạo đột phá về doanh thu và lợi nhuận, năm 2022 Ban Tổng Giám đốc đã mạnh dạn đặt chỉ tiêu doanh thu 5.200 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1000 tỷ đồng. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế thế giới, địa chính trị có nhiều diễn biến phức tạp, như đề cập ở trên, đặc biệt là 6 tháng cuối năm 2022, nên doanh thu cả năm 2022 cán mốc 4.987 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 774 tỷ đồng; doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt lần lượt là 94,2% và 77,4% so với kế hoạch.

Dù kết quả đạt được không như kỳ vọng nhưng đó đã là nỗ lực hết mình của Ban Tổng Giám đốc và toàn bộ tập thể lao động công ty.

Hiện nay, Công ty đảm bảo tự chủ 100% thức ăn cho việc nuôi trồng, 100% cá nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, trong đó:

- 10 lines nhà máy thức ăn với công suất hơn 1000 tấn thành phẩm/ngày.
- 17 vùng nuôi cá Cty CP Nam Việt với tổng diện tích mặt nước đạt 400ha.
- Gần 600 ha vùng nuôi Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt – Bình Phú.
- 4 nhà máy chế biến với tổng công suất thiết kế 1.000 tấn cá nguyên liệu/ngày, gồm:
 - Nhà máy đông lạnh thủy sản Ấn Độ Dương(DL18)
 - Nhà máy đông lạnh thủy Nam Việt (DL152)
 - Nhà máy đông lạnh thủy sản Thái Bình Dương (DL384)
 - Nhà máy đông lạnh thủy Đại Tây Dương (DL408)

1.1. Kết quả SXKD trong năm 2022

a- Các chỉ tiêu hợp nhất

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Tăng giảm trong năm 2022
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.494	4.897	1.403
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	151	774	604
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	129	674	545
EPS	đồng /CP	1.013	5.300	4287
Cổ tức chi trả / vốn điều lệ	%	10%	10%	-
Số lượng lao động	Người	5.413	6.046	633
Thu nhập bình quân đầu người	Tr đồng / người	7,0	7,2	0,2

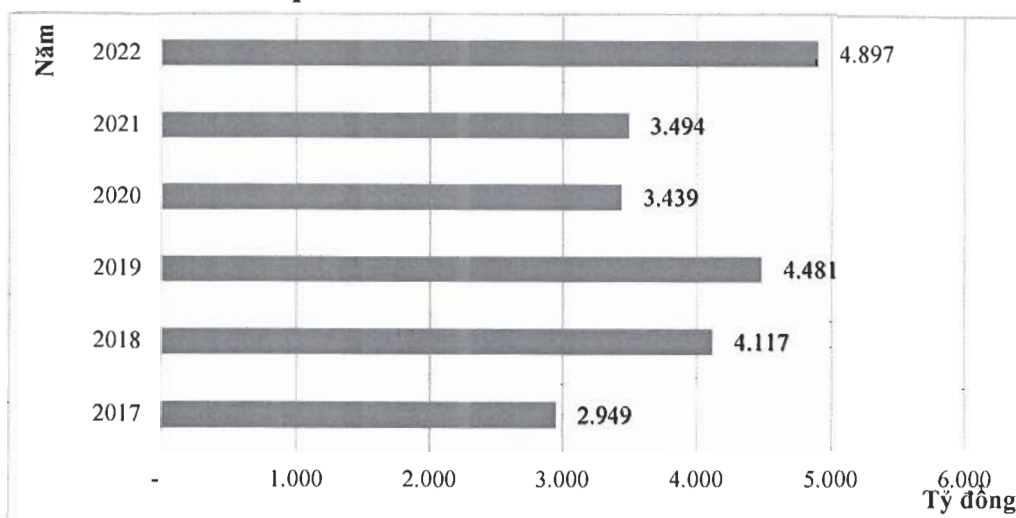
- **Doanh thu thuần** của toàn công ty trong năm 2022 đạt 4.897 tỷ đồng, tăng 40,15% so với cùng kỳ năm trước

b- Chi tiết doanh thu năm 2022

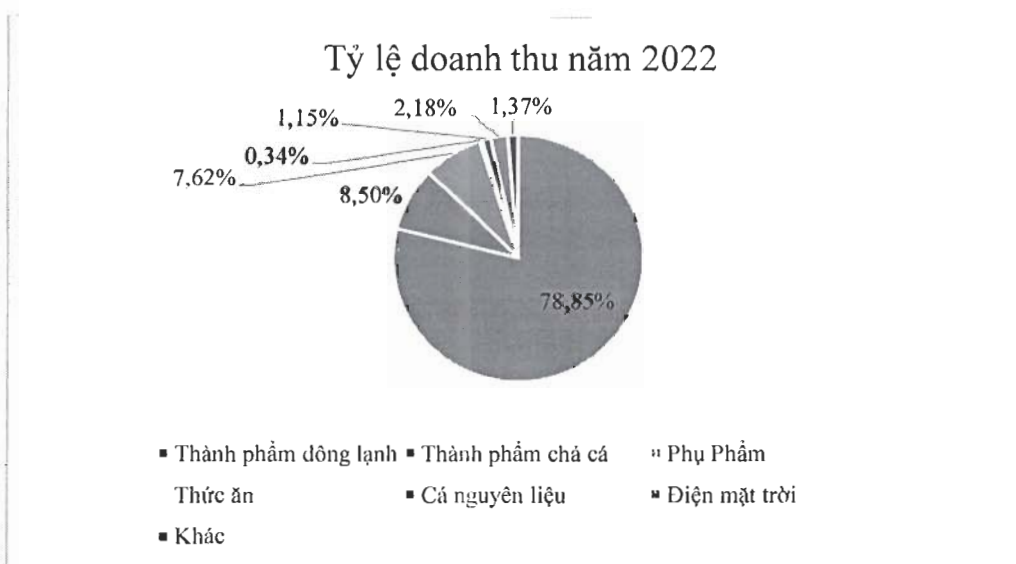
STT	Doanh Thu	Loại tiền	Tỷ lệ 2021	Tỷ lệ 2022
1	Thành phẩm đông lạnh	VND	78,90%	78,85%
2	Thành phẩm chả cá	VND	7,52%	8,5%
3	Phụ Phẩm	VND	6,60%	7,62%
4	Thức ăn	VND	1,92%	0,34%
5	Cá nguyên liệu	VND	2,07%	1,15%
6	Điện mặt trời	VND	2,81%	2,18%
7	Khác	VND	0,18%	1,37%
	Tổng cộng VND		100%	100%

Doanh thu bán thành phẩm đông lạnh vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của Navico chiếm 78,85%, tiếp đến là sản phẩm Chả cá, chiếm tỷ trọng 8,5%.

c- Biểu đồ doanh thu qua các năm:



d- Biểu đồ cơ cấu doanh thu năm 2022:

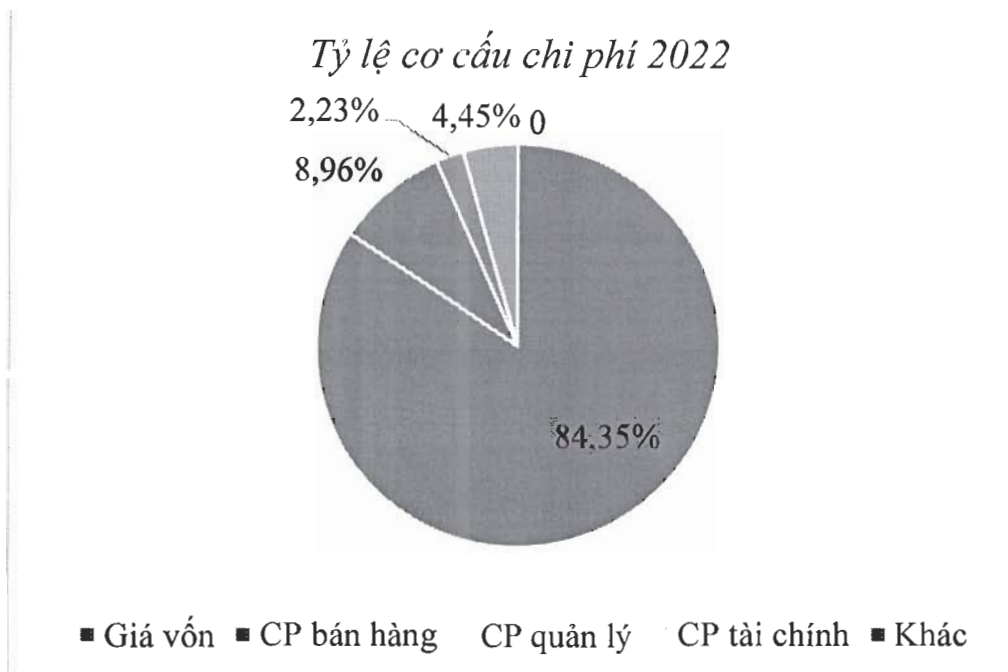


e- Về cơ cấu chi phí hoạt động

STT	Doanh Thu	Loại tiền	Tỷ lệ 2021	Tỷ lệ 2022
1	Giá vốn	VND	86,65%	84,35%
2	CP bán hàng	VND	8,28%	8,96%
3	CP quản lý	VND	1,66%	2,23%
4	CP tài chính	VND	3,40%	4,45%
5	Khác	VND	0,01%	0,01%
	Tổng cộng VND		100%	100%

Giá vốn hàng bán vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí của Navico. Chi phí giá vốn hàng bán trong năm 2022 chiếm 84,35% tổng chi phí, giảm nhẹ 2,3% trong cơ cấu chi phí so với năm 2021.

- Biểu đồ cơ cấu chi phí hoạt động của Navico



1.2. Tình hình tài chính

a- Tình hình tài sản:

Tính đến 31/12/2022, giá trị tổng tài sản đạt 5.467 tỷ đồng, cao hơn 11,1% so với năm 2021. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 59,5% so với tổng tài sản, tương đương trong cơ cấu tài sản so với năm 2021.

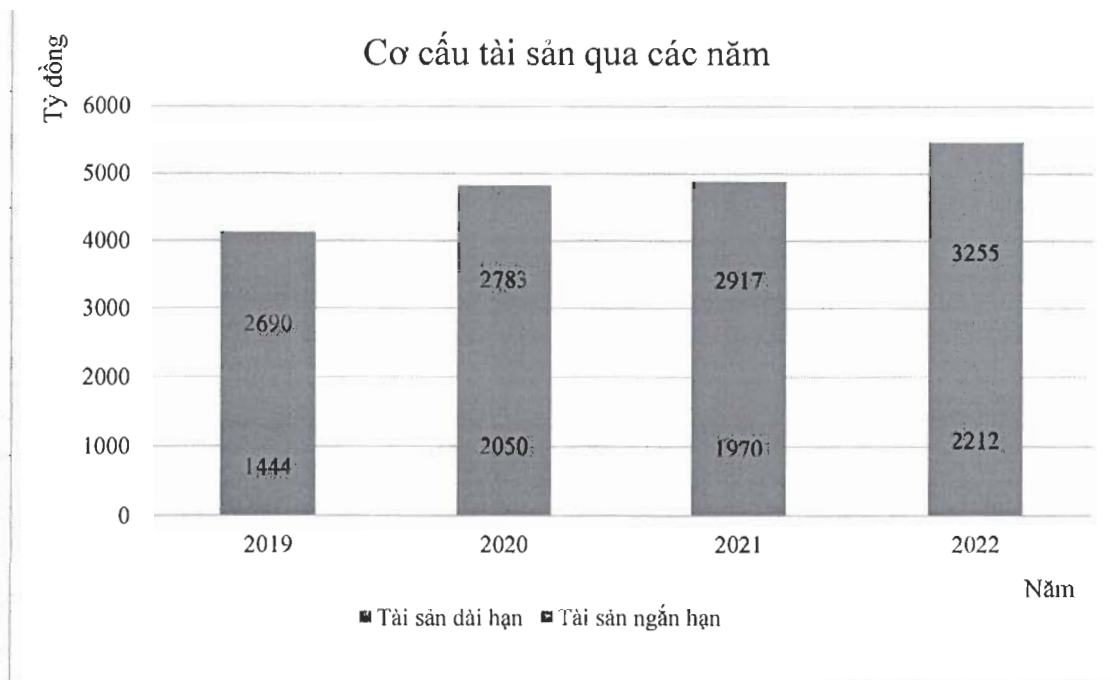
Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 71,6%, tiếp đến là các đầu tư tài chính ngắn hạn và khoản phải thu ngắn hạn, lần lượt chiếm 11% và 13,4%.

Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 49,8%. Ngoài ra, các khoản tài sản dở dang dài hạn và mục đầu tư tài chính dài hạn cũng chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản dài hạn, tương ứng 40,5% và 3,4%.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Navico trong năm 2022 có thay đổi so với năm 2021, trong đó:

- Vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,72 lên 0,95 vòng.
- Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 1,6 vòng lên 1,73 vòng.

Biểu đồ cơ cấu tài sản qua các năm



b- Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2022, Tổng nợ phải trả của Công ty là 2.585 tỷ đồng, chiếm 47,3% cơ cấu nguồn vốn (nợ phải trả / tổng nguồn vốn).

Trong đó, nợ ngắn hạn là 2417,5 tỷ chiếm tỷ trọng chủ yếu là 93,5% trong tổng nợ phải trả Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban điều hành thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.

c- Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá:

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng USD.

d- Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2021	2022
Vay ngắn hạn	Tỷ đồng	1.837,5	1.769,2
Vay dài hạn	Tỷ đồng	210	153
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	103	105
Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	%	2,95%	2,15%

Năm 2022, lãi vay công ty phải trả là 105 tỷ đồng, gần tương đương so với năm 2021.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a- Mục tiêu- chiến lược SXKD năm 2023

- + Tích cực đi vào chất lượng của chuỗi sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, giảm chi phí, đảm bảo môi trường.
- + Tìm kiếm thêm các khách hàng mới và duy trì khách hàng hiện hữu
- + Duy trì năng lực sản xuất và cải thiện kỹ thuật nuôi trồng và chế biến thủy sản để có sản phẩm đạt chất lượng tốt, ổn định, giá cả hợp lý.

b- Chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2023

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023 (Tỷ đồng)
Tổng doanh thu	5.200
Tổng lợi nhuận trước thuế	500

c- Dự kiến phân phối lợi nhuận:

- + Trả cổ tức bằng tiền mặt: 10%/mệnh giá
- + Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện 1: 1

D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

a- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022

Chỉ tiêu kế hoạch	Kế hoạch 2022 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2022 (Tỷ đồng)	Thực hiện/Kế hoạch (%)
Doanh thu thuần	5.200	4.897	94,2%
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.000	774	77,4%

Năm 2022, mặc dù đối mặt với nhiều thử thách nhưng các mặt hoạt động của công ty vẫn giữ ổn định và tăng trưởng tốt. Các lĩnh vực hoạt động chính của công ty bao gồm chế biến thức ăn, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản đông lạnh, điện năng lượng mặt trời đều hoạt động có hiệu quả.

Doanh thu và lợi nhuận trước thuế đều tăng so với năm 2021; doanh thu tăng 40%, lợi nhuận trước thuế tăng 410%.

Doanh thu từ các sản phẩm thủy sản xuất khẩu và bán thị trường nội địa chiếm tỷ trọng chủ yếu, chiếm 95% tổng doanh thu; doanh thu điện năng lượng mặt trời chiếm 2,18%; còn lại đến từ doanh khác.

Kết quả kinh doanh đạt được là nhờ sự quyết tâm lao động hăng say của hơn 6000 CB-NV dưới sự lãnh đạo của Ban Tổng Giám đốc công ty; góp phần vào tăng trưởng và đóng góp nguồn thu ngân sách địa phương; góp phần vào sự phát triển chung của toàn ngành thủy sản.

b- Các công tác khác

- Công tác kiểm soát chi phí và tiết kiệm chi phí luôn được các đơn vị nghiệp vụ như kế toán, mua hàng, sản xuất, xuất nhập khẩu... quan tâm và theo sát tình hình chi phí trong hoạt động thông qua phân tích nguyên nhân làm chi phí tăng cao và giải pháp khắc phục; kiểm soát công việc giao nhận, xuất nhập hàng hóa ...
- Trong quản lý, công ty luôn phát triển, khai thác và ứng dụng phần mềm ERP quản lý sản xuất kinh doanh công ty, phân tích hiệu quả hoạt động.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ kế toán, chính sách do Nhà nước ban hành, tuân thủ các yêu cầu về chuẩn mực kế toán do nhà nước quy định, lưu trữ, sắp xếp tốt các chứng từ, hồ sơ kế toán đáp ứng nhanh các yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước.
- Trách nhiệm với môi trường, xã hội, cộng đồng: Công ty đã kiểm soát và tuân thủ việc bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định Cơ

quan Nhà nước, luôn quan tâm tới thực hiện các hoạt động xã hội, cộng đồng tại địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

a- Về chỉ đạo, điều hành, giám sát, các hoạt động sản xuất kinh doanh

- Theo dõi, giám sát thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.
- Ban Tổng giám đốc luôn lấy hiệu quả kinh tế & lợi nhuận làm mục tiêu hành động, sâu sát với công việc, có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao, đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty.
- Đội ngũ lãnh đạo có tư duy tổng hợp, phân tích tìm ra những nguyên nhân yếu kém và các giải pháp cải tiến, khắc phục kịp thời những hạn chế trong điều hành, ngăn chặn thất thoát thiệt hại cho công ty.
- Gương mẫu chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định trong điều lệ Công ty, thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.
- Thẳng thắn nhìn nhận các khuyết điểm để cải tiến, điều hành quản lý tốt hơn.

b- Kết quả đạt được:

Trong tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, nhiều ngành nghề phải cắt giảm lao động, thậm chí ngưng sản xuất, nhưng Ban Giám đốc công ty vẫn điều hành tốt công việc được giao, giúp tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ở mức rất tốt; doanh thu năm 2022 tăng 40% và lợi nhuận trước thuế tăng 410% so với năm 2021.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tích cực tìm kiếm thêm các đối tác, khách hàng để mở rộng thị trường;
- Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra để đáp ứng các quy chuẩn của từng quốc gia;
- Đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ cá tra và quan tâm phát triển thị trường nội địa;
- Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, ứng dụng các thành tựu công nghệ và kỹ thuật vào sản xuất, quản lý để nâng cao năng suất;
- Tiếp tục áp dụng công nghệ cao để tự chủ về con giống cá tra chất lượng cao;
- Tập trung nghiên cứu, khai thác hết tiềm năng sẵn có của công ty để tiết giảm chi phí tối đa và tăng nguồn thu cho công ty
- Tiếp tục tuyển dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa để đảm bảo yêu cầu phát triển ngày càng cao của công ty.

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên	Chức vụ tại Công ty Nam Việt	Số lượng cổ phần nắm giữ (Mã ANV)	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT	19.000	0,01%
2	Ông Doãn Tới	Phó Chủ tịch HĐQT	71.805.000	56,3%
3	Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT- Bỏ nhiệm từ 11/6/2022	0	0%
5	Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên HĐQT Độc lập	0	0%
6	Doãn Hải Phượng	Thành viên HĐQT- Miễn nhiệm từ 11/6/2022		

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Trong năm 2022 không thành lập tiểu ban nào.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo, giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022
- Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự	Ghi chú
1	Doãn Tới	P.Chủ tịch HĐQT	23	100%		
2	Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT	23	100%		
3	Trần Minh Cảnh	Thành viên HĐQT	23	100%		
4	Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên HĐQT Độc lập	23	100%		
5	Doãn Hải Phượng	Thành viên HĐQT	12/17	70.58%	Đi công tác	Miễn nhiệm từ 11/6/2022

6	Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	07	100%		Bổ nhiệm từ 11/6/2022
---	-------------------	-----------------	----	------	--	-----------------------

Nội dung và kết quả của các cuộc họp Hội đồng Quản Trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	08/QĐ-HĐQT	09/03/2022	V/v góp vốn 81 tỷ đồng vào Công ty TNHH MTV Bất động sản Nam Việt
2	12/NQ-HĐQT	09/03/2022	V/v bổ nhiệm Ông Nguyễn Thanh Liêm giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Nam Việt kể từ ngày 09/03/2022
3	19/NQ-HĐQT	21/03/2022	V/v đồng ý cho Bà Huỳnh Thị Kim Thoa thôi giữ chức vụ giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng Công ty CP Nam Việt kể từ ngày 21/03/2022
4	20/NQ-HĐQT	21/03/2022	V/v bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Dương giữ chức vụ giám đốc Tài chính Công ty CP Nam Việt kể từ ngày 21/03/2022
5	21/NQ-HĐQT	21/03/2022	V/v Bổ nhiệm Bà Nguyễn Hà Thu Diễm giữ chức vụ Kế toán Trưởng Công ty CP Nam Việt kể từ ngày 21/03/2022
6	25/NQ-HĐQT	28/03/2022	V/v chuyển nhượng Quyền Sử dụng đất Cty CP Nam Việt cho người có liên quan người nội bộ
7	29/NQ-HĐQT	04/04/2022	V/v thống nhất việc gia hạn tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022 chậm nhất đến ngày 30/6/2022
8	32/NQ-HĐQT	06/04/2022	V/v Chấp thuận HĐ vay vốn giữa Cty TNHH MTV Nam Việt Solar và Ông Doãn Tới Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
9	35/QĐ-HĐQT	08/04/2022	V/v Thống nhất việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022
10	37/NQ-HĐQT	13/04/2022	V/v góp vốn vào Cty TNHH MTV CB TATS Nam Việt và bổ nhiệm Ông Đỗ Lập Nghiệp đứng tên người đại diện góp vốn
11	42/NQ-HĐQT	20/04/2022	V/v góp bổ sung vốn vào CTY TNHH MTV Nam Việt Solar
12	46/NQ-HĐQT	28/04/2022	V/v nhận chuyển nhượng QSDĐ của người có liên quan người nội bộ
13	53/NQ-HĐQT	10/05/2022	V/v góp bổ sung vốn điều lệ vào Cty TNHH AMICOGEN Nam Việt
14	56/NQ-HĐQT	23/05/2022	V/v chấm dứt hoạt động đơn vị trực thuộc NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỨC ĂN THỦY SẢN – CN CÔNG TY CP NAM VIỆT

15	66/NQ-HĐQT	06/6/2022	V/v Chấp thuận HĐ vay vốn giữa Cty CP Nam Việt và Ông Doãn Tới Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
16	50/NQ-HĐQT	10/6/2022	V/v Chấp thuận thành lập mới NHÀ MÁY ĐLTS ĐẠI TÂY DƯƠNG NAM VIỆT –CN CTY CP NAM VIỆT
17	71/QĐ-HĐQT	13/6/2022	V/v thay đổi nhân sự Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT công ty
18	81/QĐ-HĐQT	27/6/2022	V/v Thay đổi vốn điều lệ Cty TNHH MTV Nam Việt Solar
19	82/QĐ-HĐQT	27/6/2022	V/v giảm vốn điều lệ Cty TNHH MTV Bất động sản Nam Việt
20	83/QĐ-HĐQT	27/6/2022	V/v Thành lập Cty TNHH MTV CBTA Thủy sản Nam Việt – Chi nhánh An Giang
21	105/NQ-HĐQT	20/8/2022	V/v Bổ sung vốn và cử người đại diện góp vốn vào công ty TNHH AMICOGEN Nam Việt
22	115/NQ-HĐQT	30/9/2022	V/v Chi trả cổ tức năm 2021
23	128/NQ-HĐQT	15/11/2022	V/v Điều chỉnh thời gian chi trả Cổ tức năm 2021
24	132/NQ-HĐQT	17/11/2022	V/v Phát hành Cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
25	144/NQ-HĐQT	30/12/2022	V/v Phát hành Cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động thay thế NQ 132/ NQ-HĐQT

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Tham gia dự họp đầy đủ các phiên họp của HĐQT, tham gia giám sát việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Ban Tổng giám đốc

- Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Trong năm không tham gia các chương trình đào tạo về quản trị doanh nghiệp.

2. Ban kiểm toán nội bộ:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm toán nội bộ:

STT	Thành viên Ban KTNB	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Tiến Dũng	Trưởng Ban	23	100%	
2	Dương Minh Phong	Thành viên	21	91,3%	

b. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ đối với HĐQT, Ban TGD:

- Tham dự các cuộc họp điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc công ty.
- Giám sát việc triển khai kế hoạch và thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2022.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh nhằm đảm bảo công ty hoạt động đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Giám sát trình tự thủ tục ban hành các văn bản pháp lý của HĐQT, Ban TGD và việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Kiểm soát các chế độ chính sách liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty.
- Kiểm soát việc thực hiện, chấp hành các quy trình, quy định của các phòng ban.

c. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm toán nội bộ đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Luôn luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong các vấn đề thiếu sót trong quy trình kiểm soát nội bộ tại các phòng ban, đề xuất các giải pháp cải thiện những thiếu sót trong quy trình nhằm ngày càng hoàn thiện các chế độ, chính sách, quy trình quy định, quy chế, góp phần nâng cao năng lực quản trị điều hành và hạn chế rủi ro trong các hoạt động của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị; Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán.

a. Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm toán:

Chi tiết các khoản lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm toán được trình bày ở phần VIII.1a, trang số 41-42 của Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Doãn Tới	Phó Chủ tịch HĐQT	71.805.000	56,3%	71.805.000	56,3%	Không thay đổi
2	Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT- Phó TGĐ	469.000	0,37%	19.000	0,01%	Bán vì nhu cầu cá nhân
3	Trần Minh Cảnh	TV HĐQT- Phó Tổng giám đốc	20.000	0,02%	0	0%	Bán vì nhu cầu cá nhân
4	Đỗ Thị Thanh Thùy	Thành viên HĐQT	0	0%	0	0%	Không giao dịch
5	Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên HĐQT Độc lập	0	0%	0	0%	Không giao dịch
6	Nguyễn Văn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	0	0%	0	0%	Không giao dịch
7	Nguyễn Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc	2.500	0,001%	2.500	0,001%	Không thay đổi
8	Nguyễn Văn Dương	Giám đốc Tài chính	0	0%	0	0%	Không giao dịch
9	Nguyễn Hà Thu Diễm	Kế toán trưởng	0	0%	0	0%	Không giao dịch
10	Lê Tiên Dũng	Trưởng ban KTNB	0	0%	0	0%	Không giao dịch
11	Dương Minh Phong	Thành viên Ban KTNB	0	0%	0	0%	Không giao dịch

c. **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:** tính từ 01/01/2022 đến 31/12/2022:

Được trình bày ở mục VIII.1a, từ trang số 40-41 của Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.



d. **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Về quản trị Công ty thực hiện theo các Quy định của pháp luật, luôn công khai, minh bạch, có hiệu quả.

F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Được trình bày ở phụ lục đính kèm)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Doãn Lợi

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Báo cáo tài chính hợp nhất 2022, đã được kiểm toán)

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- Điện thoại : (84-296) 3834060
- Fax : (84-296) 3834054

Công ty có đơn vị trực thuộc là Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, đặt tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin (nguyên liệu để sản xuất vỏ con nhộng chứa thuốc);
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày,
- Cho thuê nhà, đất không phải để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm và nhà kho.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Doãn Tới	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Bà Doãn Hải Phượng	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2022
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Chủ tịch	Ngày 13 tháng 6 năm 2022
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Ngày 13 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2007
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020).

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Trần Minh Cảnh - Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 424/GUQ-KTTC ngày 02 tháng 01 năm 2023.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

CHỦ TỊCH

Đỗ Lập Nghiệp

Ngày 27 tháng 3 năm 2023


CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỖ MƯỜI


CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỖ MƯỜI

Số: 1.0712/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CÒ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí
Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2023-008-1
Người được ủy quyền



Phan Vũ Công Bá
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

42

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.255.100.959.692	2.916.543.313.685
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.053.714.794	42.701.081.617
1. Tiền	111		30.253.714.794	7.401.081.617
2. Các khoản tương đương tiền	112		800.000.000	35.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		357.810.000.000	646.490.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	357.810.000.000	646.490.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		434.578.670.778	381.082.083.334
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	412.580.912.652	333.325.402.073
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	24.600.572.660	27.315.356.227
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	3.100.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	27.560.407.248	35.141.776.906
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(35.961.101.308)	(14.700.451.872)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.697.879.526	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.333.299.861.772	1.779.610.449.264
1. Hàng tồn kho	141	V.8	2.342.074.989.779	1.783.465.697.424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(8.775.128.007)	(3.855.248.160)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		98.358.712.348	66.659.699.470
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	25.912.236.239	11.362.399.484
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		72.446.476.109	55.297.299.986
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.255.100.959.692	2.916.543.313.685
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.053.714.794	42.701.081.617
1. Tiền	111		30.253.714.794	7.401.081.617
2. Các khoản tương đương tiền	112		800.000.000	35.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		357.810.000.000	646.490.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	357.810.000.000	646.490.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		434.578.670.778	381.082.083.334
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	412.580.912.652	333.325.402.073
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	24.600.572.660	27.315.356.227
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	3.100.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	27.560.407.248	35.141.776.906
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(35.961.101.308)	(14.700.451.872)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.697.879.526	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.333.299.861.772	1.779.610.449.264
1. Hàng tồn kho	141	V.8	2.342.074.989.779	1.783.465.697.424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(8.775.128.007)	(3.855.248.160)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		98.358.712.348	66.659.699.470
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	25.912.236.239	11.362.399.484
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		72.446.476.109	55.297.299.986
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.212.552.178.058	1.970.636.527.255
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.608.094.440	13.011.730.352
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	678.082.652	150.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	21.930.011.788	12.861.730.352
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.102.095.359.611	1.046.146.504.946
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	495.896.129.101	553.401.717.110
- Nguyên giá	222		1.599.867.178.952	1.584.024.277.729
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.103.971.049.851)	(1.030.622.560.619)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	253.960.185.490	248.506.968.955
- Nguyên giá	225		293.366.167.308	279.980.613.422
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(39.405.981.818)	(31.473.644.467)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	352.239.045.020	244.237.818.881
- Nguyên giá	228		375.640.450.157	263.021.971.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.401.405.137)	(18.784.152.605)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		896.238.268.370	778.531.417.988
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	896.238.268.370	778.531.417.988
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		76.153.322.937	30.189.824.516
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	69.001.451.300	23.056.019.946
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20.304.000.000	20.304.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(13.152.128.363)	(13.170.195.430)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		115.457.132.700	102.757.049.453
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	99.797.062.338	97.918.620.976
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	15.660.070.362	4.838.428.477
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.467.653.137.750	4.887.179.840.940

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.882.202.985.499	2.335.585.626.152
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.882.202.985.499	2.335.585.626.152
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	1.275.396.250.000	1.275.396.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.275.396.250.000	1.275.396.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	21.489.209.100	21.489.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24	(27.587.629.848)	(27.587.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	1.612.905.156.247	1.066.287.796.900
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.001.595.627.796	1.066.287.796.900
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		611.309.528.451	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.467.653.137.750	4.887.179.840.940



Nguyễn Hà Thư Diễm
Người lập/Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

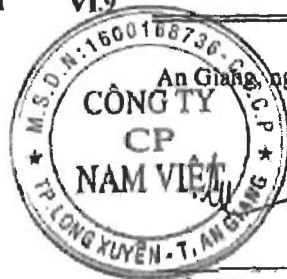
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.934.505.844.469	3.504.425.921.790
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	37.858.804.031	10.499.600.516
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.896.647.040.438	3.493.926.321.274
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.561.104.727.938	2.940.612.855.979
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.335.542.312.500	553.313.465.295
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	79.671.732.816	41.027.271.027
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	188.158.406.601	115.345.794.726
Trong đó: chi phí lãi vay	23		105.147.390.933	102.959.352.877
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	(54.568.646)	108.341.747
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	378.198.470.565	280.956.940.056
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	94.215.760.513	56.474.052.865
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		754.586.838.991	141.672.290.422
12. Thu nhập khác	31	VI.8	21.546.434.254	10.150.550.944
13. Chi phí khác	32	VI.9	2.417.333.020	381.477.344
14. Lợi nhuận khác	40		19.129.101.234	9.769.073.600
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		773.715.940.225	151.441.364.022
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	114.516.843.210	21.003.885.652
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14, V.23	(14.546.137.332)	1.698.280.638
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>673.745.234.347</u>	<u>128.739.197.732</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		673.745.234.347	128.739.197.732
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>5.300</u>	<u>1.013</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>5.300</u>	<u>1.013</u>



Nguyễn Hà Thu Diễm
Người lập/Kế toán trưởng



An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2023

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		773.715.940.225	151.441.364.022
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	121.250.075.110	122.889.821.438
- Các khoản dự phòng	03	V.2c, V.7, V.8	26.162.462.216	595.509.012
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	(1.350.363.149)	1.977.941.031
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b, VI.4, VI.8	(38.718.735.521)	(23.611.511.719)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	105.147.390.933	102.959.352.877
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		986.206.769.814	356.252.476.661
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(78.856.042.011)	34.849.337.365
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(558.609.292.355)	120.871.071.337
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		22.550.985.043	(111.451.377.871)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(16.428.278.117)	(375.311.970)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(75.649.944.748)	(102.662.250.748)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(13.438.454.542)	(46.949.495.499)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(168.000.000)	(65.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		265.607.743.084	250.469.449.275
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.12, V.13, VII	(275.078.022.611)	(238.132.640.800)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, V.12, V.13, VI.8, VII	53.672.840.720	114.250.798.916
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a, V.5	(1.171.180.000.000)	(1.083.883.462.027)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a, V.5	1.456.231.917.348	759.117.462.027
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(46.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	125.026.143.290
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.4	39.362.719.504	23.291.243.048
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		57.009.454.961	(300.330.455.550)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21, V.II	4.709.626.249.144	4.740.806.006.826
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(4.829.059.461.014)	(4.589.679.032.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(57.215.007.017)	(36.099.447.685)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.24	(156.891.388.148)	(66.196.903.789)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(333.539.607.035)	48.830.623.352
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.922.408.990)	(1.030.382.923)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	42.701.081.617	43.798.851.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(724.957.833)	(67.386.645)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	31.053.714.794	42.701.081.617



Nguyễn Hà Thu Diễm
Người lập/Kế toán trưởng



An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2023

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

30044
SNI
CHÍNH
TỔAN
A 8
VH-T.I



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng lượng mặt trời; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tình hình kinh tế đang phục hồi sau đại dịch covid-19, xuất khẩu cá tra tăng trưởng làm doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn năm nay tăng đáng kể so với năm trước.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 08 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

6a. Thông tin về tài cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn đã tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản Nam Việt và Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt cùng với tỷ lệ góp vốn là 100% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh của các công ty này là kinh doanh bất động sản và sản xuất thức ăn thủy sản.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ní tơ	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bất động sản Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản	100%	-	100%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Sản xuất thức ăn thủy sản	100%	-	100%	-

6c. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chi đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất collagen, genlatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50%.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

115-G
TY
LIÊN HỢP
TỰ VẤN
C
ĐƠN

88
T
P
VI
1-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 18

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị thuê tài chính là 04 - 16 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Hội đồng quản trị thông báo chia cổ tức.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận chỉ số điện giữa Công ty và Điện lực.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	257.326.559	322.432.480
Tiền gửi ngân hàng	29.296.388.235	7.078.649.137
Tiền đang chuyển	700.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	<u>800.000.000</u>	<u>35.300.000.000</u>
Cộng	<u>31.053.714.794</u>	<u>42.701.081.617</u>

Các khoản tương đương tiền đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam (xem thuyết minh V.21).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

Khoản tiền gửi ngân hàng với số tiền là 354.810.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam, Ngân hàng United Overseas Bank và Ngân hàng BPCE IOM (xem thuyết minh số V.21) và thực hiện hợp đồng với Điện lực Châu Phú.

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	69.240.000.000	23.240.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(238.548.700)	(183.980.054)
Cộng	<u>69.001.451.300</u>	<u>23.056.019.946</u>

Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt 69.240.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	23.056.019.946	22.947.678.199
Góp vốn	46.000.000.000	-
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	(54.568.646)	108.341.747
Số cuối năm	<u>69.001.451.300</u>	<u>23.056.019.946</u>

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh

Công ty TNHH Amicogen Nam Việt chưa đi vào hoạt động, đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

Giao dịch với các công ty liên doanh

Tập đoàn phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Amicogen Nam Việt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn	46.000.000.000	-
Vay	-	46.300.000.000
Chi hộ	-	3.000.000
Doanh thu thi công công trình	56.436.339.172	2.123.375.678
Doanh thu cho thuê	374.666.667	46.900.000
Doanh thu bán thành phẩm	637.900.000	-
Doanh thu khác	35.238.382	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn đầu tư 2.030.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa, chiếm tỷ lệ 5,08% vốn điều lệ của công ty này.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	13.170.195.430	19.799.611.431
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(18.067.067)	786.583.999
Xóa sổ do nhượng bán đầu tư	-	(7.416.000.000)
Số cuối năm	<u>13.152.128.363</u>	<u>13.170.195.430</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>29.231.119.443</u>	<u>1.136.392.231</u>
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	5.057.090.196	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương	24.174.029.247	1.136.392.231
Phải thu các khách hàng khác	<u>383.349.793.209</u>	<u>332.189.009.842</u>
Các khách hàng nước ngoài	359.699.356.310	288.335.160.218
Các khách hàng trong nước	23.650.436.899	43.853.849.624
Cộng	<u>412.580.912.652</u>	<u>333.325.402.073</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho bên liên quan	<u>459.297.166</u>	<u>12.703.810.162</u>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	459.297.166	12.703.810.162
Trả trước cho người bán khác	<u>24.141.275.494</u>	<u>14.611.546.065</u>
Các nhà cung cấp nước ngoài	-	457.690.850
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	3.515.518.706	1.664.053.500
Các nhà cung cấp trong nước khác	20.625.756.788	12.489.801.715
Cộng	<u>24.600.572.660</u>	<u>27.315.356.227</u>

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Ông Lê Văn Bì vay	300.000.000	-
Cho Ông Lê Văn Biết vay	500.000.000	-
Cho Ông Trương Hồng Tư vay	1.000.000.000	-
Cho Ông Nguyễn Văn Thắng vay	300.000.000	-
Cho Bà Nguyễn Thị Minh Thành vay	1.000.000.000	-
Cộng	<u>3.100.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5b. Phải thu về cho vay dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho Ông Nguyễn Văn Thóc vay	678.082.652	-
Cho Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung vay	-	150.000.000
Cộng	678.082.652	150.000.000

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt – Ký quỹ	300.000.000	-	300.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	27.260.407.248	(670.569.601)	34.841.776.906	(494.205.315)
Tạm ứng	6.040.586.378	(670.569.601)	11.649.392.823	(494.205.315)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.960.736.002	-	8.367.162.638	-
Tiền lãi cho vay	169.043.729	-	710.137	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	500.000	-	32.780.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	15.089.541.139	-	14.791.731.308	-
Cộng	27.560.407.248	(670.569.601)	35.141.776.906	(494.205.315)

6b. Phải thu dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán hàng	62.979.314.482	27.707.962.075	30.107.447.082	15.901.200.525
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-	22.329.400.000	15.630.580.000
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	55.367.587.400	27.650.529.700	357.761.250	178.880.625
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	191.441.250	57.432.375	305.799.667	91.739.900
Quá hạn trên 03 năm	7.420.285.832	-	7.114.486.165	-
Phải thu khác	986.133.550	296.384.649	988.410.630	494.205.315
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	2.722.920	1.361.460	988.410.630	494.205.315
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	983.410.630	295.023.189	-	-
Cộng	63.965.448.032	28.004.346.724	31.095.857.712	16.395.405.840

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	14.700.451.872	14.677.464.881
Trích lập dự phòng bổ sung	21.260.649.436	22.986.991
Số cuối năm	35.961.101.308	14.700.451.872

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	12.046.027.500	-	6.315.692.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	320.115.812.653	-	186.803.389.087	-
Công cụ, dụng cụ	6.156.217.993	-	6.769.967.544	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.108.563.095.375	-	1.079.661.107.729	-
Thành phẩm	894.116.391.258	(8.775.128.007)	437.118.654.403	(3.855.248.160)
Hàng hóa	1.077.445.000	-	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-	66.796.886.661	-
Cộng	2.342.074.989.779	(8.775.128.007)	1.783.465.697.424	(3.855.248.160)

Hàng tồn kho có trị giá 124.153.522.938 VND (số đầu năm là 130.514.428.089 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.855.248.160	4.069.310.138
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	4.919.879.847	(214.061.978)
Số cuối năm	8.775.128.007	3.855.248.160

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	1.068.733.336	1.248.733.333
Công cụ, dụng cụ	6.621.995.054	1.763.494.066
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	18.221.507.849	8.350.172.085
Cộng	25.912.236.239	11.362.399.484

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	54.099.981.710	55.852.557.158
Công cụ, dụng cụ	1.990.332.373	3.824.505.966
Chi phí sửa chữa	10.193.651.619	3.882.808.529
Khoản lỗ của tài sản bán và thuê lại	18.948.955.170	20.315.633.346
Các chi phí trả trước dài hạn khác	14.564.141.466	14.043.115.977
Cộng	99.797.062.338	97.918.620.976

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tăng giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 81.902.396.115 VND (số đầu năm là 182.644.333.722 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh số V.21).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.980.613.422	31.473.644.467	248.506.968.955
Thuê tài chính trong năm	59.506.432.420		
Mua tại tài sản cố định thuê tài chính	(46.120.878.534)	(16.452.160.899)	
Khấu hao trong năm		24.384.498.250	
Số cuối năm	293.366.167.308	39.405.981.818	253.960.185.490

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	262.740.980.486	280.991.000	263.021.971.486
Mua trong năm	112.790.036.704	-	112.790.036.704
Giảm do Nhà nước thu hồi	(171.558.033)	-	(171.558.033)
Số cuối năm	375.359.459.157	280.991.000	375.640.450.157
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	643.380.000	280.991.000	924.371.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	18.503.161.605	280.991.000	18.784.152.605
Khấu hao trong năm	4.617.252.532	-	4.617.252.532
Số cuối năm	23.120.414.137	280.991.000	23.401.405.137
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	244.237.818.881	-	244.237.818.881
Số cuối năm	352.239.045.020	-	352.239.045.020

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 101.395.819.859 VND (số đầu năm là 103.664.809.048 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối năm
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	18.726.266.176	197.272.390.341	(133.204.628.181)	(7.135.075.700)	75.658.952.636
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	742.602.036.960	83.035.641.897	(8.284.125.428)	(1.710.127.195)	815.643.426.234
Dự án khu nuôi trồng thủy sản Bình Phú	576.365.517.861	13.757.097.637	(1.165.851.022)	(29.571.954)	588.927.192.522
Tiền mua đất	565.173.927.263	10.339.915.553	-	-	575.513.842.816
Chi phí xây dựng các hạng mục công trình	10.539.048.206	1.996.362.344	-	(29.571.954)	12.505.838.596
Chi phí đào ao	652.542.392	1.420.819.740	(1.165.851.022)	-	907.511.110
Dự án các khu nuôi trồng thủy sản khác - Đất	155.205.237.156	54.279.845.498	-	(11.020.000)	209.474.062.654
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	2.125.986.815	4.409.420.693	(901.205.837)	(583.710.170)	5.050.491.501
Nhà máy chế biến thức ăn	259.458.532	-	-	(259.458.532)	-
Dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời ⁽¹⁾	5.751.811.364	-	-	-	5.751.811.364
Các hạng mục khác	2.894.025.232	10.589.278.069	(6.217.068.569)	(826.366.539)	6.439.868.193
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	17.203.114.852	5.262.281.905	-	(17.529.507.257)	4.935.889.500
Cộng	778.531.417.988	285.570.314.143	(141.488.753.609)	(26.374.710.152)	896.238.268.370

(1) Chi phí tư vấn lập hồ sơ và lập hồ sơ dự án xây dựng hệ thống điện năng lượng mặt trời bao gồm 4 hạng mục nhà máy điện mặt trời mặt nước đặt ở các vị trí khác nhau. Hiện tại dự án này chưa được phê duyệt quy hoạch cho giai đoạn năm 2021 – 2025 nên Công ty đang đợi phê duyệt trong giai đoạn năm 2025 – 2030.

(*) Trong đó giá trị tài sản, sửa chữa đã bán là 22.374.823.038 VND.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.838.428.477	4.833.250.000
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	10.821.641.885	5.178.477
Số cuối năm	15.660.070.362	4.838.428.477

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% - 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>42.023.152.866</i>	<i>1.879.935.804</i>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	2.016.152.866	1.879.935.804
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	7.000.000	-
Ông Doãn Chí Thanh	40.000.000.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>235.062.937.502</i>	<i>195.735.311.337</i>
Các nhà cung cấp trong nước	214.031.832.700	185.095.203.949
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	12.991.154.738	2.808.254.300
Các nhà cung cấp nước ngoài	8.039.950.064	7.831.853.088
Cộng	277.086.090.368	197.615.247.141

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	11.056.568.772
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	-	11.056.568.772
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	16.380.109.851	33.521.533.931
Các khách hàng trong nước	5.809.310.622	13.563.576.566
Các khách hàng nước ngoài	10.570.799.229	19.957.957.365
Cộng	16.380.109.851	44.578.102.703

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.914.625.647	53.720.433.577	(52.272.004.053)	4.363.055.171
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	177.150.391	(177.150.391)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	27.119.438	(27.119.438)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.116.012.270	114.516.843.210	(13.438.454.542)	114.194.400.938
Thuế thu nhập cá nhân	2.959.936.761	11.885.722.960	(14.500.213.622)	345.446.099
Thuế tài nguyên	12.660.560	142.966.560	(143.039.920)	12.587.200
Tiền thuê đất	120.516.666	75.310.000	(75.310.000)	120.516.666
Thuế môn bài	-	17.000.000	(17.000.000)	-
Cộng	19.123.751.904	180.562.546.136	(80.650.291.966)	119.036.006.074

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu
 - + Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân Không chịu thuế
 - + Công ty mua ngoài bán cho tổ chức Không kê khai
 - + Công ty mua ngoài bán cho cá nhân 5%
- Sản phẩm, dịch vụ khác 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Nam Việt	82.104.975.157	16.667.366.448
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	16.113.342.342	4.251.807.198
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	-	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	94.990	41.771.827
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	3.961.779	2.667.122
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	1.283.519	4.605.804
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	34.096.247	35.667.253
Công ty TNHH MTV Bất động sản Nam Việt	-	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	16.259.089.176	-
Cộng	<u>114.516.843.210</u>	<u>21.003.885.652</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 4.000 VND/m³ x 8%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và các khoản chi cuối năm còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	<u>27.992.827.383</u>	<u>216.986.301</u>
Bà Dương Thị Kim Hương - Chi phí lãi vay	-	216.986.301
Ông Doãn Tới - Chi phí lãi vay	27.992.827.383	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	<u>9.806.519.808</u>	<u>7.092.090.434</u>
Chi phí lãi vay	3.733.106.443	2.011.501.340
Chi phí cước tàu	1.180.060.000	1.855.592.000
Chi phí hoa hồng môi giới	3.635.323.915	2.912.629.094
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.258.029.450	312.368.000
Cộng	<u>37.799.347.191</u>	<u>7.309.076.735</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Phải trả khác****20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	93.146.993.000	156.786.578.947
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	71.805.000.000	139.566.578.947
Ông Doãn Chí Thanh - Cổ tức phải trả	17.160.000.000	17.160.000.000
Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả	4.159.999.000	60.000.000
Ông Đỗ Lập Nghiệp - Cổ tức phải trả	19.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Cổ tức phải trả	2.500.000	-
Bà Dương Thị Kim Loan - Cổ tức phải trả	50.000	-
Ông Dương Minh Phong - Cổ tức phải trả	444.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	52.543.495.696	17.013.786.518
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	10.730.366.603	7.313.753.259
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.543.430.000	2.417.530.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	35.977.053.898	2.100.981.099
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.292.645.195	5.181.522.160
Cộng	<u>145.690.488.696</u>	<u>173.800.365.465</u>

20b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	305.896.923.400	510.110.473.400
Vay Ông Doãn Tới ^(a)	305.896.923.400	470.110.473.400
Vay Bà Dương Thị Kim Hương	-	40.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.463.350.401.951	1.327.402.989.275
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.397.888.999.366	1.239.577.442.880
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(b)	482.550.094.662	264.497.902.879
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(c)	201.745.582.976	125.110.555.090
Vay Ngân hàng United Overseas Bank ^(d)	116.140.621.569	113.396.408.100
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ^(e)	120.582.896.092	88.518.988.200
Vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam ^(f)	264.454.305.053	456.627.479.650
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	78.624.432.250
Vay Ngân hàng TNHH MTV Worri Việt Nam ^(g)	57.003.100.000	68.295.000.000
Vay Ngân hàng TNHH CTBC ^(h)	71.406.659.014	8.896.822.712
Vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam ⁽ⁱ⁾	46.955.740.000	23.925.378.400
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội ^(j)	37.050.000.000	-
Vay Ngân hàng Chính sách Xã Hội Quận Thốt Nốt	-	11.684.475.599
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	5.573.808.210	5.733.808.210
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	-	15.300.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	9.999.999.996	19.101.519.996
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	49.887.594.379	47.690.218.189
Cộng	<u>1.769.247.325.351</u>	<u>1.837.513.462.675</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12).
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12).
- (d) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (h) Khoản vay Ngân hàng TNHH CTBC không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (i) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1 và V.2).
- (j) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	26.666.666.676	82.163.626.672
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	45.496.960.000
Vay Ngân hàng United Overseas Bank ⁽ⁱ⁾	26.666.666.676	36.666.666.672
Vay dài hạn cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	200.000.000	200.000.000
Nợ thuê tài chính	125.927.216.138	127.894.688.364
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	53.601.263.588	71.982.600.908
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	32.348.523.022	43.347.500.530
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị	1.085.620.244	4.085.421.363
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	38.891.809.284	8.479.165.563
Cộng	<u>152.793.882.814</u>	<u>210.258.315.036</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để tài trợ lên đến 60% chi phí mua thiết bị, dụng cụ, chi phí xây dựng và các chi phí mềm khác liên quan đến 8 cụm điện mặt trời với tổng công suất 08MW với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tất cả các khoản phải thu từ EVN và người mua điện, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2), tài sản cố định được tài trợ thuộc sở hữu bởi bên vay (xem thuyết minh số V.10).
- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	36.666.666.672	9.999.999.996	26.666.666.676	-
Vay dài hạn các cá nhân	200.000.000	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	175.814.810.517	49.887.594.379	125.927.216.138	-
Cộng	212.681.477.189	59.887.594.375	152.593.882.814	200.000.000
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	101.265.146.668	19.101.519.996	73.072.746.672	9.090.880.000
Vay dài hạn các cá nhân	200.000.000	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	175.584.906.553	47.690.218.189	127.647.685.582	247.002.782
Cộng	277.050.053.221	66.791.738.185	200.720.432.254	9.537.882.782

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	82.163.626.672	-	(45.496.960.000)	(9.999.999.996)	26.666.666.676
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	127.894.688.364	57.444.910.981	(4.064.556.358)	(55.347.826.849)	125.927.216.138
Cộng	210.258.315.036	57.444.910.981	(49.561.516.358)	(65.347.826.845)	152.793.882.814

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	204.348.145	(168.000.000)	36.348.145
Cộng	367.979.305	(168.000.000)	199.979.305

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến xử lý khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.812.877.850	2.109.418.735
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(3.724.495.447)	1.703.459.115
Số cuối năm	88.382.403	3.812.877.850

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Doãn Tới	718.050.000.000	718.050.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	171.600.000.000	171.600.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	41.599.990.000	121.599.990.000
Các cổ đông khác	340.028.760.000	260.028.760.000
Cộng	<u>1.271.278.750.000</u>	<u>1.271.278.750.000</u>

24c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	127.539.625	127.539.625
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	127.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu phổ thông	127.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	127.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu phổ thông	127.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty Cổ phần Nam Việt đã chia cổ tức năm 2021 cho các cổ đông công ty mẹ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 78/NQ.ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 6 năm 2022 với số tiền là 127.127.875.000 VND.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

25a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	881.892,07	99.615,50
Euro (EUR)	2.355,74	3.860,55
Dollar Úc (AUD)	715,12	5.601,44
Rub Nga (RUB)	962,47	-

25b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Khách hàng nước ngoài	9.429.672,13	182.038.120.299	9.429.672,13	182.042.547.939
Khách hàng trong nước		21.714.875.400		20.834.599.657
Cộng		<u>203.752.995.699</u>		<u>202.877.147.596</u>

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	4.755.024.869.397	3.377.653.435.630
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	107.588.150.929	111.681.547.416
Doanh thu thi công công trình xây lắp	28.218.169.586	1.061.687.839
Doanh thu khác	43.674.654.557	14.029.250.905
Cộng	<u>4.934.505.844.469</u>	<u>3.504.425.921.790</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ công ty liên doanh được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	6.843.322.395	5.478.478.406
Doanh thu khác	22.428.163.038	27.007.140
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed		
Doanh thu bán thành phẩm	295.300.000	56.517.946.480
Doanh thu khác	-	545.377.500
Ông Doãn Tới		
Doanh thu khác	-	42.746.921

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	30.659.113.600	3.398.856.125
Giảm giá hàng bán	7.199.690.431	7.100.744.391
Cộng	<u>37.858.804.031</u>	<u>10.499.600.516</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.480.794.367.040	2.928.407.774.991
Giá vốn của điện năng lượng mặt trời	33.543.269.341	10.592.617.771
Giá vốn thi công công trình xây lắp	16.511.579.948	54.545.454
Giá vốn khác	25.335.631.763	1.771.979.741
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	4.919.879.847	(214.061.978)
Cộng	<u>3.561.104.727.938</u>	<u>2.940.612.855.979</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	36.736.962.675	24.967.533.032
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.307.772	31.423.463
Lãi tiền cho vay	387.663.785	787.726
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	40.156.385.084	12.901.004.254
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.350.363.149	-
Lãi bán hàng trả chậm	883.818.395	999.921.349
Doanh thu hoạt động tài chính khác	122.231.956	2.126.601.203
Cộng	<u>79.671.732.816</u>	<u>41.027.271.027</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	105.147.390.933	102.959.352.877
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	83.029.082.735	7.167.585.513
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.977.941.031
Lỗ nhượng bán, thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	1.862.257.600
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(18.067.067)	786.583.999
Chi phí tài chính khác	-	592.073.706
Cộng	<u>188.158.406.601</u>	<u>115.345.794.726</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.292.130.307	6.493.359.606
Chi phí vật liệu, bao bì	172.167.139	301.689.889
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	402.265.461	212.566.731
Chi phí hoa hồng	40.616.353.952	28.637.825.335
Chi phí vận chuyển	282.301.508.757	206.558.269.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.295.801.193	35.975.909.738
Các chi phí khác	5.118.243.756	2.777.319.023
Cộng	<u>378.198.470.565</u>	<u>280.956.940.056</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	37.092.734.512	28.698.656.935
Chi phí vật liệu quản lý	1.573.396.237	4.835.376.768
Chi phí đồ dùng văn phòng	950.563.398	2.156.788.872
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.464.807.940	1.714.173.984
Thuế, phí và lệ phí	5.997.797.631	4.641.382.178
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	21.260.649.436	22.986.991
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.295.369.770	3.283.767.258
Các chi phí khác	17.580.441.589	11.120.919.879
Cộng	<u>94.215.760.513</u>	<u>56.474.052.865</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.648.677.707	397.106.814
Xử lý kiểm kê thừa	8.462.502.835	-
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	7.462.614.021	7.563.392.545
Xử lý công nợ tồn lâu	1.982.782.632	507.502.631
Thu nhập khác	1.989.857.059	1.682.548.954
Cộng	<u>21.546.434.254</u>	<u>10.150.550.944</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền nộp phạt vi phạm hợp đồng	947.270.320	-
Thuế bị phạt, truy thu	74.850.717	32.753.977
Xử lý công nợ tồn lâu	875.848.203	-
Chi phí khác	519.363.780	348.723.367
Cộng	<u>2.417.333.020</u>	<u>381.477.344</u>

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	673.745.234.347	128.739.197.732
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	673.745.234.347	128.739.197.732
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	127.127.875	127.127.875
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>5.300</u>	<u>1.013</u>

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.047.335.108.192	1.936.297.401.374
Chi phí nhân công	649.034.399.716	534.555.238.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	121.250.075.110	122.889.821.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	690.031.024.784	492.945.242.041
Chi phí khác	107.682.931.030	58.213.169.868
Cộng	<u>8.615.333.538.832</u>	<u>3.144.900.873.582</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Kết chuyển nợ phải trả thành nợ thuê tài chính	-	17.784.208.824
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	53.439.396.679	66.959.090.909
Thuế VAT khấu trừ thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	4.005.514.302	6.695.909.091
Kết chuyển tiền thuế GTGT tăng tài sản cố định	-	13.285.417.302

Số dư các khoản công nợ liên quan đến tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	56.177.345.879	15.979.834.681
Ứng trước mua tài sản	4.154.345.244	4.744.180.964
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	22.374.823.038	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên chủ chốt		
Ông Doãn Tới		
Tập đoàn đi vay	157.800.000.000	517.336.250.000
Lãi vay phải trả	35.112.669.487	24.113.253.052
Tập đoàn chia cổ tức	71.805.000.000	71.805.000.000
Ông Doãn Chí Thanh (*)		
Lãi vay phải trả	-	1.509.861.308
Tạm ứng	-	500.000.000
Bà Dương Thị Kim Hương		
Lãi vay phải trả	1.184.859.409	7.379.206.917

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Doãn Chí Thiên (*)		
Vay	-	40.500.000.000
Lãi vay phải trả	-	518.308.723
Ông Nguyễn Thanh Liêm		
Tiền thuê đất	723.100.000	-
Các thành viên chủ chốt khác		
Tạm ứng	4.904.606.359	510.000.000
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Ông Doãn Chí Thanh		
Mua đất	110.000.000.000	-
Công ty chia cổ tức	17.160.000.000	17.160.000.000
Chi hộ	3.134.330	-
Ông Doãn Chí Thiên		
Tạm ứng	771.637.000	-
Công ty chia cổ tức	4.159.999.000	12.159.999.000
Lãi vay	-	647.366.259
Ông Doãn Quốc Hội		
Cho vay	700.000.000	-
Lãi cho vay	8.189.041	-

(*) Các thành viên chủ chốt này được miễn nhiệm từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 nên công bố giao dịch chỉ trong 6 tháng đầu năm 2021.

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.15, V.19, V.20 và V.21a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm toán nội bộ

	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay	
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc	717.466.358
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	354.926.158
Bà Dương Thị Kim Hương – Phó Tổng Giám đốc	113.397.531
Ông Trần Minh Cảnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	791.134.897
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc	582.443.323
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Phó Tổng Giám đốc - Bỏ nhiệm ngày 09/03/2022	435.322.731
Ông Nguyễn Văn Dương - Giám Đốc Tài Chính - Bỏ nhiệm ngày 21/03/2022	414.466.748
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm thành viên ủy ban kiểm toán - Bỏ nhiệm TV HĐQT ngày 11/06/2022	516.163.731
Bà Huỳnh Thị Kim Thoa - Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 21/03/2022	171.963.680
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm - Kế toán trưởng - Bỏ nhiệm ngày 21/03/2022	478.414.173
Bà Nguyễn Thị Minh Ý - Thành viên độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	120.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Cộng thu nhập
Bà Doãn Hải Phượng - Thành viên độc lập kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán - Miễn nhiệm ngày 11/06/2022	60.000.000
Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	382.948.010
Ông Dương Minh Phong - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	240.152.060
Cộng	5.378.799.400
Năm trước	
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc	767.539.393
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	311.986.281
Ông Trần Minh Cảnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc - Bỏ nhiệm TV HĐQT ngày 30/6/2021	510.498.563
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc	447.115.774
Ông Doãn Chí Thanh – Thành viên Hội đồng quản trị - Miễn nhiệm ngày 30/6/2021	317.807.070
Ông Doãn Chí Thiên – Thành viên Hội đồng quản trị - Miễn nhiệm ngày 30/6/2021	518.228.393
Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên độc lập	120.000.000
Bà Doãn Hải Phượng – Thành viên độc lập	120.000.000
Bà Dương Thị Kim Hương – Phó Tổng Giám đốc	105.639.615
Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	208.758.588
Ông Dương Minh Phong - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	263.007.130
Ông Nguyễn Trọng Hữu - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ - Miễn nhiệm ngày 12/07/2021	4.000.000
Ông Nguyễn Anh Đức - Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 12/5/2021	55.028.988
Bà Huỳnh Thị Kim Thoa – Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	658.785.379
Cộng	4.408.395.174

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	Công ty do con của Tổng Giám đốc thành lập
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 núi	Công ty do Phó Tổng Giám Đốc thành lập

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Thuê kho, tiền điện	36.246.650.443	18.356.669.496
Phí sử dụng hạ tầng	496.656.540	484.814.022
Thu hộ	2.956.116.598	
Chi phí khác	177.755.200	-
Mua tài sản	277.777.778	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed		
Lãi bán hàng trả chậm	-	302.392.970
Dịch vụ khác	104.363.633	57.272.725
Thu hộ	-	1.303.434
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 Núi		
Mua vật tư	86.114.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.15 và V16.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất khẩu	3.419.425.721.133	2.390.892.068.871
Trong nước	1.477.221.319.305	1.103.034.252.403
Cộng	4.896.647.040.438	3.493.926.321.274

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất chế biến thủy sản chiếm tỷ lệ 96% trên tổng doanh thu của Tập đoàn (năm trước 96%).

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Trong giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2023 đến ngày 28 tháng 02 năm 2023, Tập đoàn đã phát hành thành công 6.000.000 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) cho 54 cán bộ công nhân viên Tập đoàn với giá bán là 10.000 VND/cổ phiếu.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Hà Thu Diễm
Người lập/Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

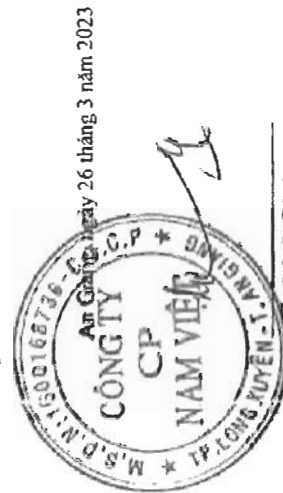
Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	369.579.321.547	964.681.400.330	131.375.578.874	14.478.832.340	103.909.144.638	1.584.024.277.729
Mua trong năm	-	37.431.108.803	6.208.658.541	2.485.585.437	2.517.145.455	48.642.498.236
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.000.236.046	919.503.792	5.198.534.568	-	1.165.851.022	8.284.125.428
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	46.120.878.534	-	-	-	46.120.878.534
Thanh lý, nhượng bán	-	(86.752.532.566)	(452.068.409)	-	-	(87.204.600.975)
Số cuối năm	370.579.557.593	962.400.358.893	142.330.703.574	16.964.417.777	107.592.141.115	1.599.867.178.952
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	265.390.209.638	475.237.977.275	47.657.659.519	9.964.967.140	4.451.423.364	802.702.236.936
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	295.604.700.703	618.727.776.671	69.785.516.874	10.645.889.861	35.858.676.510	1.030.622.560.619
Khấu hao trong năm	12.565.987.714	55.311.411.365	13.038.569.189	1.199.687.261	10.132.668.799	92.248.324.328
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	16.452.160.899	-	-	-	16.452.160.899
Thanh lý, nhượng bán	-	(34.899.927.586)	(452.068.409)	-	-	(35.351.995.995)
Số cuối năm	308.170.688.417	655.591.421.349	82.372.017.654	11.845.577.122	45.991.345.309	1.103.971.049.851
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	73.974.620.844	345.953.623.659	61.590.062.000	3.832.942.479	68.050.468.128	553.401.717.110
Số cuối năm	62.408.869.176	306.808.937.544	59.958.685.920	5.118.840.655	61.600.795.806	495.896.129.101
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Dang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



Nguyễn Hà Thu Diễm
Người lập/Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.239.577.442.880	4.548.066.249.144	-	(6.527.261.640)	(4.383.227.431.018)	1.397.888.999.366
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	5.733.808.210	3.760.000.000	-	-	(3.920.000.000)	5.573.808.210
Vay ngắn hạn các cá nhân	525.410.473.400	157.800.000.000	-	-	(377.313.550.000)	305.896.923.400
Trái phiếu thường ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	19.101.519.996	-	9.999.999.996	-	(19.101.519.996)	9.999.999.996
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	47.650.218.189	-	55.347.826.849	-	(53.150.450.659)	49.887.594.379
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Cộng	1.837.513.462.675	4.709.626.249.144	65.347.826.845	(6.527.261.640)	(4.836.712.951.673)	1.769.247.325.351



Nguyễn Hà Thu Diễm
Người lập/Kế toán trưởng



An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2023

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc



116
NG
CF
MV
YEN.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

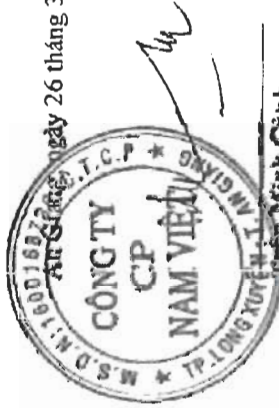
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.064.676.474.168	2.333.974.303.420
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	128.739.197.732	128.739.197.732
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(127.127.875.000)	(127.127.875.000)
Số dư cuối năm trước	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.066.287.796.900	2.335.585.626.152
Số dư đầu năm nay	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.066.287.796.900	2.335.585.626.152
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	673.745.234.347	673.745.234.347
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(127.127.875.000)	(127.127.875.000)
Số dư cuối năm nay	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.612.905.156.247	2.882.202.985.499

Đơn vị tính: VND

Nguyễn Hà Thu Diễm
Người lập/Kế toán trưởng



ngày 26 tháng 3 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc



